ARC HONIG 17

BICH-CÂU KÌ-NGỘ

碧溝奇遇

«Bích câu kỳ ngộ» hay là «chuyện Tú Uyên» là một [illegible] thuyết hoang đường [illegible]. Cốt chuyện là một chuyện [illegible] [illegible] ở Hà-nội [illegible] «Bích câu kỳ ngộ» [illegible] [illegible] Truyền kỳ tân phả của Đoàn Thị Điểm, [illegible] [illegible] Hà-nội (1).

Cốt chuyện — Cốt chuyện ở bài [illegible] như sau.

Tú Uyên con nhà thi thư, người [illegible] Hà-nội, [illegible] [illegible]

[illegible]

Tú Uyên [illegible]

[illegible]

Uyên [illegible]

chuyện. tả?

« Bích-câu kỳ-ngộ » hay là « chuyện Tú-Uyên » là một tiểu-thuyết bằng vần lục-bát. Gốc chuyện là một chuyện truyền ở nước ta; đã được chép ở thần-phổ tại « ~~Đền~~ Tú-Uyên » ở Hà-nội và ở trong bài « Bích-câu kỳ-ngộ ký » ~~in~~ nói sau sách Truyền-kỳ Tân-phổ của Đoàn thị-Điểm, bản in năm 1811 ở Lạc-thiện-đường tại Hà-nội (?).

Cốt chuyện. Cốt chuyện ở bản ~~Việt~~-văn như sau:

Tú Uyên, con nhà thi-thư, người thành Hà-nội, sống vào đời Lê Thánh-tông. Uyên làm nhà học trên gò ~~ở~~ hồ Bích-câu. Một hôm đi xem hội chùa Ngọc-hồ gần đó, bắt được một bài thơ đề trên lá ngụ ý có tiên xuống xem hội. Sau ~~đó~~, Uyên thấy có mỹ-nữ ở chùa bước ra. Uyên bèn theo ~~tán~~ bắt chuyện. ~~Mỹ-nữ đã giả ý nhưng không~~ nữ cự-tuyệt ~~một cách nhẹ nhàng~~ đoan nghiêm, bỏ nhoẻ rồi biến mất.

Tú Uyên tìm hỏi không ra tăm-tích, nên ~~bị ốm nằm~~ buồn rầu thành ốm nặng. Bạn khuyên can, cho nên gượng làm khuây. Bèn ~~đi~~ chơi cầu mộng ở đền Bạch-mã (ở phố Hàng Bạc, tại Hà-nội). Thần nhân bảo rằng mai ra đón ở Cầu Đông (trên sông Tô-lịch, ở Hà-nội) thì sẽ gặp.

Uyên làm y lời thầy. Đợi lâu mới thấy một ông già cầm bức tranh đi tới. Uyên nhìn tranh, thấy chính là ~~ảnh tiên~~ ảnh cô đó

mĩ-nữ đã gặp ở chùa. Uyên bèn mua tranh về treo ở phòng học, hằng ngày mời ra ~~tiếc~~ mĩ-nữ trò chuyện ăn cơm và nói chuyện cùng, như là với người thật. Một hôm, sau khi thắp thần-thở, Uyên thấy vẻ mặt mĩ-nữ trong tranh cười.

Một ngày kia, ~~khi~~ Uyên đi học về, thì thấy cơm gạo sẵn sàng, rồi sau đó ngày nào cũng vậy. Chàng nghi có tiên-nhân giúp mình. Uyên ~~bèn~~ một hôm, giả đi học, rồi nửa đường trở về rình xem. Thấy mĩ-nữ trong tranh bước ra, Uyên đẩy cửa vào gọi hỏi. Mĩ-nữ không biến nữa, Hai người quyết định ~~rồi~~ cùng định hôn ~~với Uyên~~.

Đến ngày cưới, ~~Sau~~ nàng ~~khi~~ tiếp các bạn tiên sang tiệc mừng, ~~vợ chồng~~ hai người thành thân, rồi ăn ở với nhau trong ba năm rất hoà-hợp.

Nhưng Uyên hay rượu, vợ can không nghe, Uyên lại còn đánh đập vợ. Nàng bỏ ra đi ~~bèn~~ bỏ đi. Khi tỉnh say, Uyên biết lỗi mình, tìm không thấy vợ, luyến tiếc sinh ốm. Bạn can cũng không nghe, Uyên bèn định quyên sinh.

Ngay lúc ấy, ~~nàng~~ lại hiện ra. Uyên mừng rỡ, bỏ hết tính nghiện. Vợ chồng hoà hợp bèn ăn ở với nhau đến lúc sinh con trai. ~~Rồi~~ Uyên thì chăm chỉ học-hành, toan đường thi-cử làm quan. Nhưng nàng khuyên nên bỏ công-danh phú-quí mà đi học tiên. Nàng lại ~~trao~~ dạy cho phép tu-luyện. Uyên nghe lời.

Rồi một hôm, hai vợ chồng cưỡi hạc bay lên trời, để con ở lại học-hành, hẹn sau sẽ tới đón ~~sau~~. Sau con thi đậu

~~Đoạn sau bị mất, không biết kết quả ra sao~~

tới ấy lên tiên

So với thần-phả và bài ký. Hiện nay, tôi không sẵn có Thần-phả, nhưng tôi biết rằng chuyện chép ở Thần-phả giống như chuyện trong ~~Việt~~-văn Nôm đã kể trên. Còn trong bài ký thì kết-cấu hơi khác: cả hai vợ chồng và con cùng lên tiên một lần. Sự ấy đúng lý hơn; vì nàng đã khuyên chồng bỏ công danh, không lẽ gì khuyên con ở lại đi thi.

Xem đó, ta nghĩ rằng chuyện nôm đã theo văn ở thần-phả, chứ không theo văn ở bài ký.

Thật ra, xét nội dung văn thì văn nôm dựa theo Hán-văn ở bài ký, nhiều nơi rất sát. ~~Tôi đoán rằng~~

Bài ký này, theo sách «Tang-thương Ngẫu-lục» viết đời cuối Lê, đầu Nguyễn, thì có lẽ của Đặng Trần-Côn, viết vào khoảng trước năm 1750.* Tôi đoán rằng Thần-phả ngày nay cũng dựa vào bài này, và chữa đoạn cuối bởi một nhà nho, ~~đã~~ thiên về khoa-cử và đạo nho;

Trừ kết-cấu, ta có thể ~~nghĩ~~ nhận rằng chuyện nôm đã phỏng theo bài ký của Đặng Trần-Côn, chứng rất nhiều, như sẽ ~~thấy~~ dẫn trong phần hiệu-đính. Sau đây, tôi sẽ trích một đoạn dịch Hán-văn, trong lời nàng khuyên chồng đừng luyến tiếc trần gian. Nàng nói:

«...Từ xưa đến giờ, non sông có đâu là bền vững, giàu sang có gì là mãi luôn. Khi tươi, khi héo, khi nổi, khi

* Xem Chinh-phụ-ngâm bị khảo» trang 14, Minh-tân

chìm, như vậy nghìn cảnh, vạn trạng. Ví-dụ ai có danh-tiếng trùm đời, tài khí quá người, đắc chí, khoái lòng, thì kẻ sống lâu cũng chẳng quá bảy tám mươi, kẻ chết sớm cũng không quá năm sáu mươi. Tuy ~~có~~ đời công-danh hiển hách, chốc lát mà mặt trắng ruổi mây xanh, nhưng thoi ngày tháng thoắt đưa, chớp mắt đã má hồng thành tóc trắng. Tuy có trăm năm giàu sang trên trần-thế, nhưng chỉ bằng một ngày nhàn-hạ ở làng Tiên. Người đời không biết thân mình là mộng, nhận khối thịt, đẫy da làm thân-thể, so dài độ ngắn, phân gái biệt trai. Chẳng biết rằng mệt tứ mỏi thần, thấy là đường tất hủy thân; thích sướng ham vui, gì cũng lò nung tiêu mệnh. Trước mắt đài mây gác khói, xưa tráng-lệ, nay hóa đồ ma; ngọc vùng, non Bạc, ~~lộ~~ rừng vàng, trước đầy thừa, sau thành nấm cỏ. Trước kia cơ-xảo, đến nay trơ không. Xưa gọi anh-hùng, nay còn đâu tá!.... Tuy có ngựa nhiều, xe lớn, sao dùng được nơi ngày tháng ngắn-ngủi tháng ngày. Lại không bằng hủy-bỏ ~~thất~~ bảy-tình, tẩy-trừ ~~lục~~ sáu dục, sáng chơi Tam-đảo, tối về Cửu-thiên; hứng gió trăng ở non Bồng, rửa ~~vết~~ bụi trần trong nước Nhược. Mùa xuân không dứt, cực lạc nào hơn. Ngày tháng thêm dài, phong-quang không chán.. Xin chàng nghĩ-kĩ, để thoát lồng trần.»

So lời dịch trên với đoạn văn nôm từ vế 579 đến vế 608,

rõ lời tôi đã nói đúng. Nhưng văn nôm cũng không hoàn-toàn đưa và bài ký; trái lại có thêm nhiều lời ngâm-nghĩ, nhiều đoạn tả cảnh, tả tình, và bỏ một ít đoạn tự-sự, nhất là những thị, từ, mà bài kí gán cho Tú Uyên và Giáng Kiều.

Ví dụ, sau khi tiên biến ở Quảng-văn-đình, trong bài ký chỉ chép rằng « tình đêm ấy đốt đèn ngồi một mình, suốt đêm không ngủ. Bèn làm một bài hát nhớ Tần-nga và mười bài Hoài-xuân để ngụ ý của mình », rồi chép các bài ấy. Chuyện nôm lại đặt 44 vế (147-190) để tả tình, tả cảnh buồn.

Bản nôm bỏ đoạn Giáng-kiều đùa bỡn với các bạn tiên trong tiệc mừng tiên-biệt, bỏ đoạn Giáng-kiều làm thơ kỉ-niệm cuộc kỳ-phùng, mà thêm thay bằng đoạn tả cảnh vợ chồng hoà-hợp (417-428)

Sau khi Giáng-kiều bỏ chồng mà đi, bản nôm bỏ các chuyện Tú-Uyên đi khấn đền Bạch-mã, bỏ văn cầu, bỏ mười bài thơ Quan-hoài, và thay vào bằng đoạn tả cảnh tả tình của Tú-Uyên đi tìm vợ (477-502).

Nói tóm lại, tác-giả chuyện nôm đã phỏng theo bài ký mà Đặng Trần-Côn (có lẽ cũng là bài Thần-phổ) nhưng kết-cấu theo Thần-phổ, và nội-dung và văn-từ thì tùy nơi gia-giảm cho thanh, cho đậm theo kiểu Nguyễn Du phỏng theo chuyện Kim Vân-Kiều của Trung-quốc.

Lời văn nôm thì hoàn-toàn tiêm-nhiễm văn Kiều, đến

Bản B 3^2 LO Mel. 8°-310 (curieuse rencontre sur le tumeau bleu

Impr. en 1873 par Thinh van Đg acq par l'École en 1892

成文堂

nổi nhiều câu chỉ khác ~~ta~~ câu Kiều một vài chữ (

<u>Cái bản nôm</u>

Chuyện nôm Kia thì hiện nay tôi còn thấy ba bản có thể gọi là khác nhau*, tuy rằng cả ba bản đều đề ~~khắc~~ năm Tự-đức thứ 26, năm Quí-dậu (1873). Bản A và C đề: hiệu Cẩm-văn-đường giữ bản gỗ. Còn bản B đề: hiệu Thịnh-văn-đường giữ bản gỗ. Cả ba bản đều gồm 14 tờ: một trang nhan, và 27 trang ~~ch~~ văn hàng 12 (cộng 12×2×27 = 648 vế).

Tôi đã xét kỹ cả ba bản: xét ~~từng chữ~~, từng nét chữ, từng chữ, từng trang và so sánh thì thấy cả ba bản đều ~~dập~~ rập theo một bản gốc mà ra, nhưng có bản biết chữa một vài chữ.

Tôi có thể đoán chắc là bản gốc ~~dùng để rập vào ván mà khắc~~ chung, vì cả ba bản ~~đều~~ khắc sai cùng chữ và cùng ~~sai~~ nét nhiều nơi, mà sự sai ấy không thể ngẫu-nhiên mà có. Hoặc khắc một vài chữ cùng viết cách đặc-biệt ~~ở một chỗ~~, y như nhau.

朝 > 朝

查 > 相

Ví dụ chữ Chiều (vế 97) đều khắc lầm với bộ Xa, ~~hoa~~ và chữ Tướng (vế 136) viết với chữ Mộc ở trên, chữ Mục ở dưới. Có đến vài ba chục thí-dụ như vậy.

Sau nữa, tôi so hai bản đề "Cẩm-văn-đường" A và C, thì thấy hai bản có chung các tờ số từ 5 đến 10 (6 tờ). Còn ~~các~~ 8 tờ kia thì ~~tuy khắc lại, giữ nhiều nét sai, chữ sai, nhưng đã~~

* Đông-phương Bác-cổ ở Hanoi xưa có một bản, nhưng tôi không được thấy. Tôi có bản A. Thư-viện Quốc-lập ở Paris có bản A. Thư-viện Đông-phương Sinh-ngữ ở Paris có cái bản B và C.

Gaspardone, trong Bibl. annamite, có mách ~~[illegible]~~ 1 bản nôm.

có nhiều chữ sai ở A được ~~cha~~ hiệu-đính ở C, và mấy chữ bỏ trống ở A (ở các vế 120, 477, 483, 500) đều được điền ở C. Vậy ta đã đoán được một điều chắc-chắn: hiệu Cẩm-văn-đường đã có bản A trước (đề năm 1873) rồi sau bản gỗ bị hỏng mất 8 tờ, bèn đem khắc lại, ~~và~~ mà vẫn đề năm cũ (1873), nhưng có hiệu-đính trên các ~~trang~~ tờ khắc lại. Đại-để, bản C ~~phần~~ lối khắc sau 1873.

Nay, ta lại so bản B với hai bản A và C. Ta thấy rằng bản B không có tờ nào y như ở A và C. ~~Vậy B,~~ Đối với bản A, bản B ~~đã~~ hiệu-đính phần-lớn chỗ sai, và ~~chỗ hiệu~~ kết-quả cũng như ở bản C (chỉ trừ một chữ mà tôi sẽ nói đến sau). Và bản B cũng đề năm (1873) như hai bản A, C. Vậy ta có thể kết luận rằng bản B ~~đã~~ là của nhà Thịnh-văn-đường lấy một bản của Cẩm-văn-đường (A ~~hoặc B~~) rồi rập vào ván mà khắc lại, có chữa chỗ sai của A. Sự ấy không hiếm, vì xưa ta không có luật-pháp gì về ấn-loát và xuất-bản. Nhưng ta chưa biết rõ rằng C rập theo A hay B. Lấy chỗ C và B đều chữa đúng chỗ sai của A, ta có thể tưởng rằng C rập theo B. Nhưng hai bản có ~~cho~~ một chữ quan-hệ đặc-biệt khác nhau (mà tôi đã ngụ ý đến trên): chữ ấy ở A và C y như nhau, và không thành hình, mà ở B lại đổi ra chữ <u>gươm</u> (vế 611) có lẽ đúng. Xem vậy ~~hoặc là~~ thì C rập theo A, và khắc lại cũng sau năm 1873.

Đến như bản A, có thật rằng nó được hoàn-toàn khắc lại năm 1873 không? Tôi đã xét từng trang, thì thấy bản ấy gồm một số ~~trang~~ tờ có lẽ khắc lại năm ấy (1873), ví-dụ ~~trang~~ tờ đầu mang niên-hiệu, nhưng cũng gồm một số tờ khác, chữ mòn hơn, nét lệch-lạc, và sai-lầm cũng nhiều hơn (ví-dụ trang 3, 7, 8, 9, 10, 12). Vậy, nhà Cẩm-văn-đường đã ~~dùng~~ có bản khắc cũ rồi sau đem khắc lại một số tờ. Tôi sẽ gọi bản cũ kia là bản X cho tiện lý-luận.

Gốc bản X có từ khi nào? Ta có thể xét vấn-đề này nhờ các chữ húy.

Một điều ta nhận thấy liền là chữ Chủng (tên vua Gia-long) ~~thì~~ viết húy (về 217, trang 6a, dòng đầu) mà chữ Tông (tên vua Thiệu-trị) và chữ Thì (tên vua Tự-đức) thì không viết húy. Vậy bản gốc của bản X (chứ chưa chắc đã là bản đầu) viết vào đời Gia-long, hay Minh-mệnh.

Xét kỹ hơn, lại thấy chữ Lan (nhiều nơi) và chữ Hoàn (về 606, trang 12a, dòng thứ 3) đều không húy. Vậy bản gốc ấy viết vào đời Minh-mệnh (1820-1840). Từ đời ấy đến năm 1873, trong chừng 40 năm, chắc đã khắc đi chép lại nhiều lần, vì vậy các bản A, B, C còn sai lầm nhiều chữ.

<u>Tác-giả, năm soạn.</u> Về năm soạn, thì nhờ lí-luận trên, ta có thể đoán chắc là chậm nhất cũng vào thời Minh-mệnh. Một

mặt khác, ~~ta~~ như tôi đã nói trên, văn chuyện này thấm-nhuần văn Kiều, mà chữ dùng ~~mới~~ không thấy chữ xưa lắm. Ta có thể đoán rằng chuyện được soạn sau Kiều. Vậy năm soạn vào khoảng cuối Gia-long hay đời Minh-mạng, phỏng chừng vào khoảng 1810 - 1840.

Tác giả là ai? Không có dấu-tích gì mách cả. Phải chăng nên tìm trong đám các tác-giả hay diễn-giả Tây-sương, Chinh-phụ-ngâm, Bần nữ thán, Ngọc-kiều-lê, Quân-trung đối, Mai đình mộng ký, nghĩa là trong nhóm Lý Văn-Phức, ~~Nguyễn Thì~~, Lê Quang, Phan Huy Thực, Nguyễn Huy Hổ và Nguyễn Thù (em Nguyễn Du) hoặc các bạn những vị ấy. Họa chăng các gia-phả còn cho ta biết điều ấy chăng? Câu đầu «Mấy lăm năm một chữ tình» có thể làm ta nghĩ rằng tác giả là người Thủ-chai

Văn-từ và Nội dung.

So bản nôm với bài Ký (của Thần-phố), xét những vế cuối của văn còn lại, ta thấy rằng nguyên bản dài hơn. Nay mất mấy vế? Khó lòng biết được. Nhưng chắc cũng chỉ ít thôi. Có lẽ còn đoạn con trai, là Trân, đi thi đậu rồi vợ chồng Tú Uyên trở về đón lên Tiên. Kết-luận chắc cũng chẳng dài.

Phần còn lại gồm 648 vế, có thể chia ra mười tiết, như sẽ thấy kê trong mục-lục.

Văn thì dùng chữ chính-xác, gieo vần không ép. Lời văn không gượng và thường văn-hoa. Điển-cố dùng nhiều, và ~~phiền~~ sức-từ dùng cho đẹp lời cũng lắm. Các kỹ-thuật

không làm gì

trong văn lục bát đều được dùng: đối trong vế, đối từng vế, đối từng đoạn.

Các kỹ-thuật cũng như sức-từ phần lớn y như trong văn Kiều. Văn có thể gọi là lịch-thiệp, dòng "Kiều".

Hiệu đính.

Như trên đã nói, không những chuyện mất một ít vế, mà bản còn lại, cách khi soạn đến bốn, năm mươi năm, bị sao chép, khắc lầm, rồi bị sửa chữa nhiều, nó làm cho nhiều nơi sai ý, sai chữ, sai vần.

Tôi đã cố hiệu-đính, tìm truy-nguyên gần được gốc chừng nào càng hay.

Tuy có ba bản nôm, mà cũng như một, vì những lẽ đã kể trên. Tuy-nhiên các bản B và C cũng giúp ích không ít.

Nguyên-tắc hiệu-đính ở đây, một phần lớn là theo ý trong vế, trong câu và theo tự-dạng mà đoán chỗ sai và chữ đúng (ví dụ vế 48). Nhờ so-sánh với bài Ký, tôi đã nhận ra được ~~nhiều chỗ lầm và~~ nguyên-do nhiều điểm lầm và chữa. (ví dụ 96, 363, 365)

Nhưng ~~từ~~ chỉ dựa vào tự-dạng không đủ, vì các người ~~sao~~ hoặc khắc các bản X, A, B, C đã lầm bởi nhiều lẽ: vì tự dạng, vì quen miệng, vì quen tay, vì thấy bản cũ sai mà chữa một cách hấp-tấp, ~~một~~ đến nỗi cách không để ý đến một điều cần và dễ thấy nhất: vần.

Ở bản A, ta thấy lạc vần đến ~~bảy~~ tám nơi (153, 190, 219, 430, 487, 514, 554, 597). Ta chữa lại các điểm ấy để.

Có nơi, tôi dựa vào các kỹ-thuật thi-vần mà tôi chắc rằng tác-giả đã dùng, vì trình-độ văn của chuyện này) mà tái-lập những nơi vần non. Độc-giả có thể nghĩ đó là tự tôi vẽ rắn thêm chân, nhưng tôi tin rằng những điểm "hở" ấy không phải bị tay tác-giả, mà tại người sao chép không ~~thấ~~ hiểu thấu cái hay của nguyên-văn mà để làm ra (vì dụ 50, 179, 421, 424

Có nơi, phải đoán điển-cố, mới đoán được chữ sai (vì dụ 96, 180, 441, 508)

Nói tóm lại sự hiệu-đính không dễ, mà kết quả cũng chưa chắc hoàn-toàn. Dầu sao tôi dám chắc rằng nó đã dịch lại gần nguyên-thoại và ít ra vẫn cũng không lẫn những đoạn rất hay và những câu vô-nghĩa hay ép, như hiện nay còn thấy trong bản nôm hay là trong những bản phiên-âm.

Lại có nơi, tôi chỉ vin vào ~~chuyện~~ ý trong vế mà chữa một chữ cho hợp lẽ với chuyện (vì dụ 83, 147). Phương-tiện này ít dùng, vì dễ chủ-quan.

Bản quốc ngữ

Bích Câu Kỳ Ngộ

mel 8 1201 (19)

Phúc chi bìa hiệu

Phạm văn Tư

95 Hàng Bồ

giá 3,00 và 3,000

B'. mel 8°-310 L.O. ~~Cam~~ Thanh Văn đường

B' 扌森

et B'. chữ tám mờ hẳn

152. 仍 lạc vần (các bản đều vậy)
153. B' A đều sai vần

169. N. 求皇 B' 求皇 (circled) sai cả

191 何 đều mất vần

198 A và B' 座 (A) 座 (B')

K.l. lâm? / khắc lại

(Nhã) So sánh ba bản A B C
(Th.V)
(L.Đ)

A (nhã và BN) — L. C — B — (B)

nhã — So bản nhã (A) với bản Mol 8°/310 (B) 8° L.O.

A: 吉 C: 吉

		A	C	B	
1ab Kl. 南	Khắc lại theo một bản: (k.l.) vì chữ 蘭 (				1ab B Kl/k.l.
2a Kl 樵	k.l. chữ A: 搽 C: 搽, B 搽 /2b k.l.				2ab (B) k.l.
3a kl	k.l. (chữ N.= 小卜 ; C 才子, theo một chữ 89. 等 (toàn)				(B Kl)
85. 相 (mắt)	73.	小卜	B' 才子 đ	才子	với nửa lá bản C.V.D. ...
Cần Vân đ	75	水	B' 生 đ	生	
	78	塢	B' 烏 đ	烏	
	84	紅	紅 đ	紅	
3b kl.	102	㷬	B' 烟	烟	A≠B (xem chữ) C 醽 76, B 醽; 楢 楢 (98)
97. 朝	103	揞	B' 朝 揞 đ	揞	
	113	逼	遮 đ	遮	
	119	閰 mọn	≠ 㙇 chút	㙇	
	120	▇	𠃵	𠃵	
4a kl.	121	低	B' 祇 đ	祇	C≠B nhưng phải theo B k.l vì đầu 143. giới cột (toàn nhau) khác C 踊 B 踊 144
136. 杳	130	亹	B' 亹	亹.	
	131	鐘	B' 嚏 đ	嚏	
4b. Kl	146	運	B' 連	連 đ	
	153	愍	B' 愍 đ	愍	
	161	勝	B' 腠 đ	腠	
	165	經	B' 紅 đ	紅	
5a 5a Kl	169	拮	扚 đ B 牛	.	5ab B y như A (Kl k.l) B≠C 169 求 (A) → B' 求 (B)
169 皇	150	暑		暑	
171 戰					
5b 5b. Kl.	197	咋	B' 咋 đ	𠰠	
195. 數 (lầu)	203	跦	B' 跱 đ		
209 関 bảy	212	絆	紆?		
214. 𦯬 lầu	204	後差 ?.	B' 𢥞		

Cần Vân đ — Thịnh Văn đ — Cần Vân đ

Húy chữ chúng (217). A, B' đều húy

Khg húy chữ 宗 (226)

Còn chữ Thì 時 Khg viết húy

Khg húy 蘭

環 (606)

祟

Húy

A B

228 怢 gạn (B') 怢

6a 217 甦; 221 如 (thì) Kl 宋 217 B': 朱 đ 6ab B y nhi N (Kỳ Khảo lại)
221 如 B' = 如
240 根 B' 根
6b 244 停 (đau) 264 丕 hơi Kl. 249 愢 B' 愢 đ
262 暗 B' 脂 đ
7a 275 哏 khai Kl 274 毀 B' 毀 đ 7ab. B y nhi N (Kỳ K. l)
~~275~~ gốc B' 屋
276 熴 B' 熴 đ
277 燒 B': 燒 → 燈
A 波 286 波 B' 皮 đ
287 遺 B' 遺 đ
289 沖 B' 沖 297 A. 日占 B' 日占
7b 291 數 (lâu) Kl 299 [] B' 岸 đ
308 哨 (mới) 310 座 chỗ 302 玉 玉 đ
303 痤 B' 座 đ
305 306 目 B' 貝 đ
A 310 庸 座 庸 đ 座
8a 313 心 Kl 313 朝 B' 朝 đ 8a.b B y nhi N (Kỳ khảo lại)
328 恩 (ân) 330 322 陣 (遠) B' 陣 đ
336 料 334 朧 B' 朧 đ
339 栖 B' 栖
8b 346 宋 (cho) 358 吠 B' 叭 đ
350 珠 (珠) A
357 陰 (may) 3
9a 363 燕 (雀) 375 捽 捽 đ 9a.b. B y nhi N (Kỳ khảo lại)
365 球
366 路 (đá) 378 戰 戰 đ
370 且 (và)
379. chữ 鵝 315 viết sai, viết sửa B': khác hơn
9b 400 湼 (thấp) (A) 391 涓 B': 糊 → 霸 A bài nhã
393 祥 祥 đ

A bài

		A	C	B	
			B/L.O Mal 8° 310		
408 浧 (tháp) Kl	404	A 亶	B' 鸾 d		
	405	箕	B' 笠 d		
10a 413 得 (đành) Kl, 白 hay		得	得 đanh		B lg 10a, b B y.như N CKhg Kl
418 黄侖 (hồi) 㧾 418	420	醿	酥 B' 㧾		
		拈	拈 → 拈		
	421	昏	霅 → 雪 l.		
	422	酩	酩		
	..	扉	屏 d		
	428	闼	触		
	430	聶	聶 → 森?		
		霏	霏 → 醫		
10b 444 輪 (thâu)	441	抹	B' 抹		
449 魁 (quali) 449 麻 (ma)	7	踴	踴		
	446	蹤	蹤 d		
	447	㩧	㩧		
	453	且	且 → rả		
	455	織	織 → 織		
		罕	罕 → 罕		
11a 446 特 (được)	473	捧	B' 拎 d	拎	11a b BKl
	A	馮	憑 d	憑	B Nhg theo
	474	紅	B' 紅	紅	476 bàn N 盘 A B 盘
	475	吏	吏	吏	B 476 醒 B 醒
	477		B' 群	群	
	479	座	座 → 座	座	

		A	B'			C	
			B'			C B — Taipei ở ... MN IX-9 ...	... B.N. ... C L.O MN IX
11b	483	[illegible]	B' 浩	d		浩	
	500	[illegible] 膵	B' 冬	d		冬?	
12a sog Ep 迎 514	506	紗	B' 紅			紅	511, A 嗷 B' 嗷 — 12ab B k.l.
	514	播	播	𢹿		播	
	515	晒	晒	d		晒	
	519	哦	哦	d		哦	
	525	旦	旦	d		旦	
	527	悴	悴			悴	528 dưới 貝 (...)
12b 540 衛 (lai?) Kl	530	甘	甘	d		甘	
	533	怙	怙	d		怙	
	538	膝	膝	d		膝	
	540	佳	佳	d		佳	
	548	力	考	d		考	
	550	項	項	d		項	
	552	終	終 → 終			終	
	"	能	能	d		能	
13a k.l. (chưa ...)	554	氷	少	d		少	13ab Kl
		庄 ≠	兜	d		兜	
	570	粘	粘	d	≠	精	B ≠ C 549 A 峇 C 峇 B 宮
		鎖	鎖	d		鎖	
	571	見	覔	d		覔	
		鴬	鴬	d		鴬	
	574	倍	停	d		停	
	576	遷	還	d		還	

	A	~~C~~ B	~~B~~ C	
13B 583 䤗 (nấm) 586 𩸞 (𬉊) 600 黙 (mặc)	𨅲 577	𨅫 d	𨅫 (circled)	䤗
	583 䀠	䀕 d → 𡲇 (to? ng N-khai sau?)	䀕	B ≠ C
	粆	𥻸 d.	𥻸	A 㭲 m? C 㭲 B 格
	585 吕	昌 d	昌 (circled)	
	591 𩛷	論 d	論	586 cá bả bả 湛
	593 利	村 d	村 (circled)	
	598 粭	𥻸 d	𥻸	
	粡[2]	終[2] d	終	
	埈	埈 d	埈	
	務	務 d	務	
	599 果	果 d	果	
14a 611 駃 618 埃 崔 622 迷	601 闗	闗 d	闗	14ab C/B
	611 駃	駃 → 𣖢	← 鎌 (circled)	B ≠ C
14B 627 幅 638 真 (珍) 648 丕 ~~625~~ 迷	635 篭	篭 d	篭	A 駟 C 駟 B 駟
	642 𧿫	跛 d	跛	vả 611 giàm
	648 末	来 → 求?	永	

Bản A phỏng theo bản B (xem khoảng cách các chữ?

143 Giữa cột (A et B liền nhau, ? cách



Bài B' phải thi bài 8 (làm không cách rút chọn)

143 Giải 14 ([illegible])

3 Ngắm. Các bản viết chữ ~~mà ta đoán~~ Ngắm (bộ Mục và chữ Cấm), nghĩa là gẫm. Tiếng còn dùng trong đạo Da-tô.

12. Gió đông: Các bản đều viết Đông là mùa đông, chứ không phải phương Đông. Chắc đúng, vì hai vế 11, 12 trỏ bốn mùa.

14 ~~Lối mục~~, Lối mục. Chữ Mục là ~~ngựa~~ kẻ chăn ~~trâu~~ ~~gia-súc~~ trâu, bò; chứ không phải Mục là hư-nát.

(chú-thích này đem đặt ở phần giải-nghĩa thì đúng hơn)

15. quạnh-hiu:

3

83, 87, 128 — 102 ponctuation — 103, 193, 199 — 244 — 256 — 272

BÍCH-CÂU KỲ-NGỘ (chuyện Tú-Uyên)

I. NHẬP ĐỀ

1 Mấy trăm năm, một chữ tình.
Dưới trời ai kẻ lọt vành Hóa-nhi.
3 Cờ-duyên ngẫm* lại mà suy:
Trời Nam* nào có xa gì cõi Tây*.
5 Tưởng trong kỳ-ngộ* xưa nay,
Trước kia Lưu* Nguyễn*, sau này Bùi* Trương*.
7 Kìa ai mê giấc ~~Đài Dương~~ Đài Dương*.
"Mây mưa"* là chuyện hoang-đường, có đâu.

II. Đời nho-sĩ

1. Cảnh Bích-câu

9 Thành-tây* có cảnh Bích-câu*;
Cỏ hoa góp lại một bầu* xinh sao!
11 Đua-chen thu-cúc, xuân-đào;
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông*.
13 Xanh-xanh dãy liễu, ngàn* thông;
Cỏ lan lối mục*, rêu phong dấu tiều*.
15 Một vùng non nước quạnh-hiu,
Phất-phơ gió trúc, giặt-dìu* mưa ~~hoa~~*

2. ~~Tú-uyên~~ dựng nhà học ~~ở Bích-câu~~

17 Triều Lê, đang hội thái-hoà*,
Có Trần công-tử tên là Tú-Uyên*.

19. ~~Nhờ~~: Các bản nôm đều lầm ra nhả*, vì tự-dạng.

Thung: Chính-âm là xuân*, tên cây loài tùng, thường dùng ví với cha vì cây sống lâu, to-lớn, cành dài trùm-bọc quảng đất lớn. ~~Chữ gồm bộ Mộc và chữ Xuân. Nhưng chữ Xuân này tự-dạng rất gần chữ Thung.~~ Cho nên ~~chữ nôm~~ người nước ta đã đọc lầm ~~ra~~ chữ Xuân ~~trần~~ ra Thung. Chứng-cớ sự đọc lầm ấy là các câu văn có dùng chữ ấy vào địa-vị vần, mà ta bắt-buộc phải đọc Thung mới khỏi xuất-vận. Ví-dụ Kim Vân Kiều có: « Ở trên còn có nhà Thung; Lương trên trông xuống biết lòng có thương. » Nhị-Độ-mai có: « (vs 974)

* Cái tự-điển xưa, như A. de Rhodes, Pigneau de Behaine, Taberd đều viết Thung.

25 Chùm. Các bản nôm khắc chữ tuy sai nét*, nhưng chắc ~~gồm bộ Thủ (là tay)~~ Tài-gẩy và chữ Sum. Đọc chùm*, nghĩa là góp nhiều mảnh lại dính hoặc bọc với nhau mà làm thành hình. Ví-dụ: chùm một cái lều

27 Thừa-lừa. Chữ thứ hai viết bằng chữ Lư (hoặc đọc Lô), âm nôm là lừa, lừa. Có bản phiên-âm lầm ra Hừ vì tự-dạng và vì không hiểu nghĩa ~~tiếng~~ cho-nên đổi. ~~Thừa lừa~~ A de Rhodes: Thừa lừa. Theo ~~Genibrel~~ Taberd thì Thừa-lừa nghĩa là: có nhiều lắm dùng không hết. A. de Rhodes viết: thừa lừa

Phách bướm, ca chùm. Chữ Phách, các bản nôm đều ~~viết với chữ gồm bộ Thủ~~ Tài-gẩy (là tay) và chữ Bạch, nghĩa là gõ nhịp, hoặc nhạc-khí gồm hai thanh gỗ, tre, dùng để đánh nhịp. [Nhưng bướm đập cánh không thành tiếng. Cho nên] ta có thể nghĩ đến chữ Phách ~~trái~~ phản-ý với Hồn ~~Phách bướm hồn mai~~ và hiểu « Phách bướm » ~~là~~ trỏ sự mơ-mộng ~~phải~~ qui (chuyện Trang-sinh), như trong câu « Phách bướm hồn mai ». Nhưng ~~hai~~ hình-ảnh « Phách bướm » hiểu như vậy không đi đôi với « Ca chùn ». Xét các thơ cổ ~~thấy~~ có những câu « Điểu ca, điệp vũ vị quân thọ » nghĩa là: Chim ca, bướm múa, chúc ông sống lâu (Chu-tử); và « Vũ điệp tùy

19 Phúc lành nhờ ấm* thung huyên*.
So trong tài-mạo,* kiêm-tuyền kém ai.
21 Thông-minh sẵn có từ trời:* K
Còn khi đồng-ấu* mải* vui cửa Trình*. mải ?
23 Trải xem phong-cảnh hữu-tình,
Lâm-tuyền pha lẫn thị-thành mà ưa.
2a 25 Trên gò chùm một lầu thơ:
Lau già chắn vách, trúc thưa (sưa) rủ rèm.
27 Thừa-lưa* phách bướm, ca chim.
Nửa song* đèn sách, bốn thềm* gió trăng. K
29 Của chung lưu-loát* đâu bằng:
Chứa kho vàng cúc*, chất tầng tiền sen*.
31 Khắp so trong cõi Ba-nghìn*,
Yên-hà riêng nửa*, lâm-tuyền chung đôi.
33 Thú vui, bốn bạn* thêm vui,
Khắp trong bể thánh,* đủ ngoài rừng tao*.

3 Vấn nhã suy.

35 Thoi đưa* ngày tháng sương-sao*.
Thôi đồng* nảy* lá, lại đào đơm hoa.
37 Trời hôm* giục bóng dâu* tà
Huyên già sờn tuyết, thung già ngại sương.
39 Não người thay,* nỗi tang-thương*!
Trông theo mây trắng*, ngất đường non xanh*

~~tả~~ tùy ca phách chuyển » nghĩa là: bướm múa lượn hồ chuyển theo nhịp phách của bài ca (Phương Can-Hải, thơ Thạch-lựu). Vậy tôi tin rằng các bản nôm viết chữ « Phách » đúng; và ta phải hiểu nghĩa nó là nhịp múa, chứ không phải là tiếng phách.

29 Lưu-loát. Các bản nôm đều viết chữ Lưu là trôi, và Loát là cái tường ~~thấp~~ bao bọc. Taberd ~~cố~~ có tiếng Lưu-loát, nhưng viết chữ Loát thành chữ Đoạt* (?), và thích-nghĩa: có nhiều lắm dùng không hết; như thừa-lứa, thừa-thãi.

36 Nảy. Các bản nôm viết chữ ~~gồm bộ Thảo và chữ Nãi, âm Nảy và ý chừng muốn lấy~~ nghĩa là mọc (ví-dụ: nảy-nở, nảy mầm). Nhưng âm Nảy còn có nghĩa khác, trái hẳn nghĩa trên: rơi xuống. Tiếng ấy ở miền Nghệ-Tĩnh rất thường dùng, ví-dụ « chút nữa làm anh nảy cổ rồi! » (Nguyễn Công-Trứ). Ở đây, vì nói đến lá cây đồng, tức là muốn nói đến mùa thu, tượng-trưng bởi lá đồng rụng (Ngô-đồng rơi một lá, thiên hạ đều biết thu sang), cho nên nghĩa âm Nảy nảy là rơi, rụng *

Đởm Các bản nôm đều viết Buông ~~(bộ Tài gẩy và chữ Phong viết tắt)~~. Tuy nó cũng có nghĩa, nhưng tôi chắc rằng đây là chữ Đởm ~~(Bộ Tài gẩy và chữ Đam)~~ (tự-dạng rất gần chữ Buông) vì thành-ngữ « đởm ~~bang~~ lược » rất thường dùng và chính-xác.

38 Sờn. Các bản nôm đều viết chữ ~~gồm bộ Tâm và chữ Sần, âm sờn~~, nghĩa là ~~e~~ sợ vì đã từng ~~qua~~ kinh-nghiệm điều ấy rồi. Cái bản phiên-âm ra e, đều lầm. *

40 Ngất. Các bản đều viết chữ ~~Ngật, đọc~~ Ngất. Nhưng đó có thể là chữ Ngút* ~~(ngột bộ Sơn và chữ Ngột)~~ tự-dạng rất gần và nghĩa đồng.

Vai còn đôi gánh thâm-tình*,
Bầu Nhan* đã sạch-sành-sanh còn gì
Mấy phen hạ tới, thu về,
[Suốt] Lột mảnh nắng trỗ, quanh hè* tuyết xây.
Chiều trời lạnh ngắt hơi may*,
Mai tàn trước gió, liễu gầy sau sương.
Lơ-thơ* nửa mái thảo-đường*:
Phên tranh vết gió, vôi tường ngấn mưa.
[2b] Phong-quang* lạ khác đầu xưa,
Ao tù* sen úng [ủnh], giậu thưa (sửa) cúc cằn.

4- Thơ Kén danh sĩ Bạc tài hoa

Sinh từ gặp bước gian-truân*,
Vinh, Khô* gọi nếm mùi trần* chút chơi.
Cùng thông* dầu-mặc có trời,
Khơi* dẫn bể khổ*, san vơi mạch sầu*.
[gửi] Đói no cơm đỏ, nước bầu*,
Những phường yến tước* biết đâu chí hồng*
Thế xưa đã nặng với lòng,
Rũ sao trắng nợ tang-bồng* mới thôi.
[gửi ngh. cả vế] Ao nghiên, giá bút, vầy-vui
Tây-hồ*, Tiên-tích* mấy nơi phẩm-bình*
Thi-hào* dậy tiếng Phượng-thành.
Vào nhòng Lý Đô*, nức danh Tôn (1) Tào*.

44 Suốt: Các bản nôm viết chữ Luật, đọc lọt hoặc suốt. Ở đây ~~đo~~ trong bốn chữ đầu, đã có âm Trổ là động-tự, đối với Xây ở nửa dưới. Vậy chữ này đọc Suốt phải hơn, vì đó một × tự, đối với tự Quanh ở nửa dưới.

× giới-từ chỉ tương-quan vị-trí (danh-từ của × Bùi Đắc-Tịnh) (preposition)

Trổ. Các bản nôm đều làm ra chữ rỗ* (~~bộ Hỏa và chữ Lỗ~~) Chắc ~~bộ Tài~~ đó là ~~bộ Tài gảy, và âm là~~ chữ trổ*, nghĩa là xoi thành lỗ.

bỏ

Xây. Chữ gồm bộ Thạch và chữ Sai, đọc xây, nghĩa ghép dần vật liệu để làm thành ra (xây dựng) hoặc xoay. Đây nghĩa ~~là~~ đầu, và phải đọc xây, chứ không phải Xoay.

45 Chiều. Chữ ~~nôm~~ Triều, ~~đọc nghĩa~~ là đọc Chiều, nghĩa là về, chứ không phải là buổi chiều (ở Trung, đọc triều)

48 Vết ~~gió~~... ngấn. Các bản nôm đều viết chữ đầu ra chữ Nhật (đọc nhật) và chữ thứ hai ra chữ nôm ngắn (~~bộ Tài gảy và chữ Cẩn~~). Ý chừng, người ta hiểu vế này như sau: phên bằng tranh che kín gió, vôi ở tường ngăn cản mưa không vào nhà. Trước hết, ta thấy rằng nếu ý quả như vậy thì tiếng Nhật (tĩnh-tự) dùng làm động-tự không được, và ~~«vôi tường»~~ hai tiếng «vôi tường», phải hiểu ra tường vôi, cũng không thông. ~~Và chăng~~ Sau lại, với ý ấy thì không thông mạch-lạc với ~~đoạn câu~~ các vế trên ~~và~~ và dưới, nó muốn tả ý nhà vườn của Tú-Uyên bị điêu-tàn. Vì các lẽ đó, tôi đoán rằng chữ đầu là chữ Viết*, (đọc vết) tự-dạng rất gần chữ Nhật, và chữ sau là chữ nôm đọc Ngấn hoặc hằn, tự-dạng cũng rất gần chữ Ngắn, và nghĩa cũng như Vết. Với thoại chữa ra đó, nghĩa vế ấy thành: nhà cửa tiêu-điều không sửa-chữa, phên tranh mang vết gió thổi tung, vôi tường mang dấu mưa ~~loang~~ hoen quẹn.

50 Ứng. Các bản nôm đều viết chữ Cù (~~bộ Bệnh và chữ Cù~~)

Ính

癯

63 Giắt ngang lưng, túi phong-tao*,
Nước non, mây gió, chất vào còn vơi.
65 Châu ken* chữ, gấm thêu lời:
Vàng gieo tiếng đất, hạc khơi bóng thuyền.
67 Đã người trong sách* là duyên,
Mấy thu, hạt ngọc Lam-điền* chưa giâm*.
69 Lững-lờ chiếc lá doành Nhâm*
Cắm thuyền chờ khách, ôm cầm* đợi trăng.

III GẶP TIÊN

1. ~~Xem~~ Hội chùa Ngọc-hồ

71 Ngọc-hồ* có đấng* chay tăng
Nức-nô cảnh Phật, trưng-lừng* hội xuân.
3a 73 Đây khe* tài-tử giai-nhân. K khê (?)
Ngổn-ngang mã-tích* xa-trần* thiếu ai.
75 Thưởng xuân, sinh cũng dạo chơi:
Thơ lưng-lửng túi, rượu vơi-vơi bầu.
77 Mãng* xem rừng Phạn, thú Mầu,
Bỗng kim-ô* đã gác đầu non tê (=tây)
79 Tiệc thôi, ai nấy cũng về,
Gió chiều lay bóng hoa lê rà-rà*
80 Bên cầu đàn-lũ năm ba;
Thần tiên trước mắt, ai là kẻ hay!

> 癭
> Ảnh* (~~gồm bộ Bệnh với chữ Anh~~), ~~nghĩa~~ Âm nôm nghĩa là thối xông mũi. Lại có chữ ~~Khai~~ Ứng tự-dạng khác nhiều hơn; 癰 nhưng cũng hợp [illegible] [illegible]

nghĩa là gầy. Nhưng theo luật điệu thì đây phải thanh trắc, mà tiếng nôm không có tiếng nào viết như vậy và hợp. Xét trong các chữ nôm tự-dạng gần chữ nầy, ý hợp và thanh trắc thì thấy có chữ Ủng (~~bộ Bệnh và chữ Ủng, hoặc chữ Ủng một mình~~). Ủng ~~nghĩa~~ là trỏ quả chín quá thành chua, hoặc ~~vật gì~~ (phát) cây ngâm nước lâu thành thối.

<u>Cúc</u>. Các bản nôm đều viết chữ Trúc, nghĩa là tre. Ý đúng. Nhưng tôi nghĩ rằng đây có lẽ là chữ Cúc; có như vậy thì vế nầy (với ý sen ủng (ủn), cúc cằn) nó mới đối chọi với vế 30 (với ý cúc vàng, ~~tươi~~ sen xanh nhiều lắm). ~~tả cảnh lúc~~ Hai vế cùng dùng chung các vật, sen và cúc, để tả hai cảnh ngược nhau: cảnh thịnh và cảnh suy. Vả chăng các âm Cúc và Trúc gần nhau, cho nên kẻ sau lại lầm miệng đọc mà chép lầm.

58 <u>Mới</u>. Các bản nôm đều lẫn các chữ <u>với</u>, <u>mới</u>, <u>bấy</u> ~~và đấy~~ và đều viết bằng chữ Bối (đáng dành riêng để viết chữ <u>vuối</u> tức là <u>với</u>). Chữ Mới đáng viết bằng chữ Mại (là mua) tự-dạng cũng gần chữ Bối. Sau nầy, tuỳ theo ý cả vế, mà tôi sẽ đọc theo âm nào thuận, và ~~xin~~ miễn chú-thích.

61 <u>Dậy</u> ~~Chữ nôm viết với chữ Tẩu (là chạy) và chữ Dái. Thật ra, chữ Tẩu ấy vốn có chữ Kỷ bên phải; tức đó là chữ Khởi (Khỉ) nghĩa là đứng <u>dậy</u>, hoặc nổi dậy, nổi lên. Nghĩa sau nầy cũng có âm là <u>dấy</u>. Vì vậy chữ nầy~~ có thể đọc là «<u>dấy</u>» hoặc là «<u>dậy</u>» (nổi lên). Lại còn có tiếng <u>rậy</u> (~~bộ Khẩu và chữ Dái~~), nghĩa là ồn-ào (vang); ý và tự-dạng cũng ~~đã~~ gần như <u>dấy</u>, <u>dậy</u>, cho nên người ta thường lẫn với hai ~~tiếng~~ chữ trên. Ở đây, âm «<u>rậy</u>» cũng hợp.

62 <u>Nhồng</u>. ~~Nôm~~ (Chữ nôm) viết với bộ Nhân, và chữ Nhung, đọc <u>nhồng</u>, nghĩa

2 ~~Bút~~ Được thơ thần

83 Sinh vừa dựa bóng, nương cây,
Lá hồng đâu bỗng thổi bay lại gần.
85 Mắt coi mới tỏ dần-dần:
Mấy dòng chữ viết ba vần bốn câu.
87 Trông thôi lặng ngắt giờ lâu,
Ấy ai thả lá doành Câu* ghẹo người.
89 Ráp toan họa lại mấy lời,
Gió hương đâu đã bay hơi* nồng-nàn.

3 – Gặp mỹ-nữ

91 Thấy người trước cửa tam-quan,*
Theo sau ba bảy con hoàn* nhởn-nhơ.
93 Lạ-lùng con mắt người thơ:
Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương.
95 Dờn-dờn* xuyến ngọc, thoa vàng,*
Quần nghê* tha-thướt, xông hương* diềm-dà*.
3b 97 Mê* chiều côn-ngọc, lan-hoa,
Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời.
99 Gần xem vẻ một* thêm tươi,
Mùi hương thoang-thoảng thơm rơi* ít nhiều.
101 Xui duyên, vì chẳng là Trời,
Tú-lang* chưa dễ lạc với* non Tiên.
101 Làn xuân* lóng-lánh đưa theo,
Não người dẫu chút bấy-nhiêu cũng tình.

là hạng người tài giỏi; nghĩa và âm đều như tiếng dòng.
Có lẽ ~~do chữ~~ xưa là một: dòng bởi nhòng mà ra. «Vào nhòng» chắc là dịch thành-ngữ Nhập-lưu (vào dòng) mà ra; nghĩa là: kể vào hạng tài-giỏi. Ví dụ «Cười rằng: vốn đã vào nhòng» (Lý Văn-Phức).

65 Ken. Chữ Nôm gồm bộ 扌 Tài-gẩy và chữ Kiến, đọc ken. Nghĩa: chắp, ghép, nạm*
vật nầy vào vật khác để làm ~~vật~~ đồ gì, hoặc để trang-sức.

66 Đất. Các bản nôm đều chép như vậy. Nhưng nghĩa vế nầy không rõ, vì không chắc những ý trong đó ẩn vào điển-tích nào. Xét qua, ta nhận thấy sự tiểu-đối của hai nửa vế; và mỗi nửa ngầm ~~ba~~ dùng một điển* hay hai điển khác nhau. Lại nhận thấy vì hai ~~tiếng~~ chữ «tiếng đất» nghĩa lạ, tôi ~~xa~~ hỏi có phải đó là vì ~~khả~~ kẻ sao viết ngược hai chữ Đất và Hạc và người khác không đính-chính chăng? Có lẽ vế nầy là: «Vàng gieo tiếng hạc, đất khơi bóng thuyền» và ý là Tú-Uyên ~~đi giống chơi sơn thủy~~ ngao-du, đi thuyền như Tô Thức đi chơi thuyền trên sông Xích-bích ban đêm, có con hạc bay qua kêu vài tiếng và sau biết rằng đó là một đạo-sĩ trá hình. Với ý ấy thì nửa trên nghĩa là: tiếng hạc kêu lanh-lảnh như tiếng kim-loại rơi xuống đất. Nhưng sau xét lại, tôi thấy trong thi-văn ~~cổ~~ Tàu có dùng điển «Trịch địa thanh» nghĩa là: tiếng ~~rơi~~ ném xuống đất, ý là khen văn-từ hay. Điển rút ở chuyện Tôn Xước (trong Tấn-thư) đã làm bài phú Thiên-thai, lời rất hay; khi làm xong, Xước đem cho bạn là Phạm Vinh-Kỳ xem và bảo: nếu anh thử ném nó xuống đất, thì ắt nghe tiếng vàng đá rơi (nghĩa là văn rắn rỏi, đọc nghe kêu). Xem đó, thấy ~~nửa đầu~~ vế nầy có thể ám-chỉ Tú Uyên làm phú hay như bài phú Thiên-thai của Tôn Xước (nửa trên vế) hoặc là như phú Xích-bích của Tô Thức (nửa dưới) ~~mà~~ cũng ám chỉ tài Tú Uyên ~~có chí~~ phong-nhã, ngao-du non nước và để vịnh lời hay. Cuối cùng tôi nhận thoại sau, tuy lời văn không rành-mạch, và điển-cố kín quá!

109 Dù mặt lạ, đã lòng quen;
Cả liều* đến gốc thu-thiên* ướm* nàng:
111 « Quá vui, nên trót ([illegible]) sỗ-sàng,
» Thư tình cho, kẻo bẽ-bàng với hoa. »
113 – Khách rằng: « Trong hội Vô-gia*.
» Cửa Không*, ngàn Giác*, đấy là từ-bi.
115 » Gió bay những chuyện thị-phi,
» Trót ([illegible]) nhầm, thôi có trách gì đến ai. »
117 Giọng kiều* nghe lọt vào tai.
Đã gần bể sắc*, khôn với sóng tình*
119 – Thưa rằng: « Mọn phận, sơ sinh
» Đèn Tử* soi đến tấm thành bấy nao!
103 Vốn mang nhiều bệnh Trương-sinh*;
Gặp người nghiêng nước, nghiêng thành, biết sao?
105 Đưa tình một lét* sóng đào*;
Dấu lòng vàng đá cũng xiêu, lọ người.
107 Xui duyên, ví chẳng là trời,
Tử-lang* chưa dễ lạc với non Tiên.*

4 Ướm tình

109 Dù mặt lạ, đã lòng quen.
Cả liều* đến gốc thu-thiên* ướm* nàng.

73 ~~Đản~~ Tài-tử. Bản A làm ra Tiểu Bốc (không có nghĩa), vì tự-dạng (có lẽ bản cũ in hay viết bị ~~đứt~~ rách chỗ này). Kế bên đó ~~chữ~~ bản A cũng làm chữ Sinh ra chữ Thủy ~~...~~ vì tự-dạng

75 Sinh. xem chú-thích trên

Dạo. Chữ nôm viết ~~với Bộ Túc và chữ Tạo,~~ đọc rảo thì phải hơn. ~~Rảo nghĩa là đi đây đó~~ Nhưng nhiều kẻ hay lầm ~~...~~ chữ nôm và viết dạo như rảo. Đây, ý «dạo» phải hơn.

77 Mầu. Nghĩa nôm là huyền-diệu, hay đẹp một cách khó hiểu. Ở đây, chắc tiếng này có ý ấy. Nhưng có lẽ tác-giả cố ý ghép hai tiếng Phạn và Mầu (tức là Mầu-ni, tên đức Phật) để trỏ cảnh-thú ~~...~~ ~~...~~ chùa. Vì vậy tôi nhận ~~đ~~ tiếng «mầu» là biệt-danh-từ

78 Tê. Chữ Tây, nguyên-âm là tê. (~~văn~~ Trung-quốc)

80 Lê. ~~tên~~ cây, chữ Kỷ phải đây. Tên, nghĩa là ~~thuyền~~ Tổng chăm chạp.

80 Đàn. Các bản nôm đều viết chữ Chiên ~~(Bộ Mao và chữ Đàn~~[2]) đọc chen. Tuy ý ấy cũng khá hợp, nhưng văn pháp không xuôi. Và chữ đàn rất gần tự dạng ~~(gồm bộ Thổ rất~~ gần bộ Mao, ~~và chữ Đàn)~~. ~~Nhưng~~ Thường âm ~~đàn~~ «đàn» thường hay viết với chữ Đàn là ~~...~~ cái nhạc-khí.

83 Bóng. Các bản nôm đều viết chữ Liễu. Nhưng thoại «tựa liễu nương cây» không thông, vì ~~...~~ điệp ý ~~...~~ và thừa hai tiếng sau. Và chăng, đoạn sau chuyện nói đến lá cây rơi xuống, có viết bài thơ. Lá ấy phải là lớn hơn lá liễu. Trong nguyên-truyện chép: « Sinh dừng chân ở dưới cây có bóng nhiều ». Vậy tôi tưởng rằng nguyên thoại là « dựa bóng », dựa đây chỉ có nghĩa rộng, như nói « dựa thân ở chốn am mây.. »

84 Thổi. Tôi nghĩ rằng đó là chữ gió. Chữ Gió thường hai lần với chữ Thổi (có chữ Thổi thay chữ Dư) và chữ Thổi bị chữa ra chữ Thổi để cho có nghĩa. Nhưng ý Thổi ấy thiếu mất chủ-từ: gió.

111 « Quá vui nên trót (卒) sỗ-sàng,
» thử tình* cho, kẻo bẽ-bàng với hoa. »
113 — Khách rằng: « Trong hội Vô-già,*
» Của Không*, ngăn Giác*, đấy là từ-bi.*
115 » Gió bay* những chuyện thị-phi.
» Trót (卒) nhầm, thôi có trách gì đến ai. »
117 Giọng Kiều* nghe lọt vào tai,
Đã gần bể sắc*, khỏi vơi sóng tình*.
119 — Thưa rằng: « Mọn phận, sơ-sinh.*
» Đem Tì soi đến tấm thành ~~bao~~ với nao!
121 » Chi-viên* nỡ hẹp-hòi sao,
» Mở đường phương-tiện* chút nào được chăng. »
123 — Rằng: « Đây về đạo Kim-thằng*.
» Phong-hoa* sao khéo nói-năng những lời.
125 » Bến Thiền* có hẹp chi ai,
» Sá* đem thuyền Giác* độ người si-mê.
127 » Ngán cho bên cội Bồ-đề*,
» Phải điều [đường] ong bướm đi về đấy sao!
129 » Đoá hoa sẵn nhạc vàng treo,
» Tiếng loan chi để vi-veo* trên cành. »
131 Lặng nghe ~~suốt~~ lọt (律) hết giọng tình,
Lòng thơm* quanh cả bên mình mĩ-nhân,

94 Người thơ. ~~Dịch~~ Các bản viết chữ Thơ (sở), nghĩa nó có thể là trẻ, hoặc ~~hay làm~~ có nhiều thi-tứ. Đây dịch ~~chữ Thi-nhân~~ thành-ngữ Thi-nhân. Thường âm ~~thơ~~ «thơ» này ~~hay ..~~ cũng viết rồi chữ Thi.

96. Xống. Các bản nôm đều lầm ra sóng; vì không hiểu chữ Y ở dưới. Xống nghĩa là váy; «xống tường» là váy bằng vải vàng. Chính trong nguyên-truyện chép lời thơ Tư-Uyển, tả ~~dáng~~ tiên-nữ, cũng có: «Bộ di đài-xỉ lộ tường-quần» nghĩa là: bước đi trên đá rêu để hở quần tường. Trong văn thơ chữ Hán, cũng hay dùng điển ấy. ~~Chú~~

97 Côn. Các bản nôm đều viết chữ nét. Vế này thành «Mẽ chiều nét ngọc lan-hoa» rồi các bản phiên âm đổi ra ~~«Mẽ~~ Lan ~~chiều nét ngọc~~ ra Lan ~~hoa~~. Trước hết, ~~chữ Lan này không đọc chữ Lan có bộ Thủy, còn chữ Lan có bộ Thảo~~. Sau nữa xét ~~nghĩa~~ thấy «Mẽ chiều» nghĩa là: như vẻ. Vậy hai ý «nét» và «lan» thừa. Vin vào tự-dạng, tôi đoán ~~rằng~~ chữ Nét ~~là~~ nguyên là chữ Côn, gồm Bộ Ngọc ~~và chữ~~ Côn. Trong văn-thơ Hán, rất hay dùng Lan và Ngọc để ví người con gái đẹp và ngoan. ~~(Tùy thư, Liệt nữ truyện)~~, lại hay dùng «ngọc côn», một thứ ngọc ~~đẹp~~ trong đẹp, để ví tính chất con người trong trắng. (Hậu-Hán-thư, chuyện Khổng Dung)

119 Mọn ~~Bản~~ Theo bản A. Các bản nôm ~~kia~~ đời đổi ra Chút. Cả hai chữ đều có chữ Tiểu là nhỏ ở đầu, và nghĩa đều là nhỏ. Nhưng Chút thì có thể thành danh-từ. Tuy «chút phận» là thành-ngữ hay dùng, nhưng «mọn phận» ở đây cũng hợp. Nghĩa là phận nhỏ (nói ngược), nó cũng đi đôi với «Sơ sinh» nghĩa là sinh vừa rồi.

120 Tấm Theo các bản B, C. Nguyên lỗi bởi đen ở bản A. ~~Nghĩa~~ «Tấm ~~nghĩa~~ trả ~~lễ~~ lòng (chữ Hán: nhất phiến tâm; dịch: một tấm lòng)

121 Chi-viên. Bản A lầm chữ Chi ra chữ Đê, vì tự-dạng giống nhau. Tiếng trỏ vườn chùa (xem chú-thích)

126 (xem dưới)

130 Loan. Các bản ~~đều~~ nôm đều chép oanh. Nhưng xét ý của hai vế 129-130, ta thấy rằng diễn-giả rút ý từ câu «Thước thước đàm-hoa, khởi ý cánh tao hồ-điệp náo» ở nguyên-truyện. ~~Nghĩa Đàm hoa~~ Nghĩa: hoa đàm rực-rỡ, lẽ đâu lại gặp

— Rằng : « Đây nhân xuống Lê-tân*.
» Tiền-duyên* xin để Kim-thân* tu đền.
» Ba sinh* cho vẹn mười nguyền*,
» Nhờ tay Kim-tướng* đưa duyên Xích-thằng*.
» Gậy linh* mượn phép Cao-tăng,
» Phá thành sầu-khổ* cho bằng mối cam.
» Chày sương* đợi khách cầu Lam*,
» Phẩm tiên* may bén tay phàm biết đâu.
» Nước bèo* dù có duyên sau,
» Bên sông thử bắc nhịp cầu từ đây. »

50 Mỹ-nữ biến hình.

Người còn ướm gió, cợt mây,
Gót tiên khách đã trở giày làm thinh.
Nghé* theo đến Quảng-văn-đình*,
Bóng trăng trông đã trên cành phất-phơ.
Gặp người thăm hỏi gần xa:
« Hồng-lâu*, tử-các* đâu mà thấy đây?
» Hay là quán nước, làng mây*,
» Gió xuân thổi xuống chốn này đấy sao?
» Dám xin trở lời cho nao.
» Tới non Ngọc để ai nào vẽ những*. (dưng)
» Ơn lòng nhấn liễu, thăm trăng,
» Biết đâu sắc sắc* vẫn rằng không không*. »

bướm xôn-xao. Thật ra ~~nghĩa~~ hai vế lục-bát này tôi nghĩa theo tôi hiểu thì ~~đoá hoa đàm đã treo nhạc rồi~~ nhạc vàng, tức là những cái khánh vàng, thường làm hình chim loan, gọi là loan-linh; ~~gió~~ thường treo ở góc mái xe, mái tháp; hễ gió thổi, hoặc chuyển động rung-rinh thì đụng nhau thành tiếng. Ý hai vế ấy là: đoá hoa đàm đã có loan-linh treo rồi, cần gì phải có chim loan đến đậu trên cành mà kêu. Vì lẽ ấy, tôi đổi <u>oanh</u> ra <u>loan</u>. Hai chữ tự-dạng gần nhau.

vỉ-veo.

~~Suất. Các bản nôm viết chữ Luật, đọc nôm ra lọt hay suốt. Đây, đọc Suốt phải hơn.~~ Các bản A, K viết không thành chữ gì. Bản C viết rõ chữ Vỉ, nhưng với chữ ít khi dùng trong nôm.

131 <u>Giọng</u>. Bản A lầm ra <u>chung</u> (chung-tình) vì tự-dạng gần và thanh-ngữ quen

126. <u>Si-mê</u>. Các bản nôm đều viết thế. ~~Tuy Cái bế~~ Tuy ta có thể nghĩ rằng đó là <u>bến mê</u> mới cân đối với « thuyền giác ». Nhưng chính trong nguyên-truyện cũng chép: « Giác-hải từ-bi bất độ si-mê chi quỉ », nghĩa: bể giác từ-bi, nhưng không chở quỉ si-mê đâu » Diễn-giả đã dịch gần sát câu ấy ra hai vế 125-126.

bỏ?

146. <u>Phất-pha</u>. Các bản đều viết <u>phất-phơ</u>. Nhưng đây chắc là <u>phất-pha</u>, mới đúng vần. Và hai chữ Pha (bộ Thổ và chữ Bì) và chữ Phơ (bộ Tài gẩy và chữ Bì) rất gần nhau, mà nghĩa đồng

147 <u>Gặp</u>. Các bản nôm đều viết Mượn. Nhưng xét ý, thấy đây thì Tú-Uyên gặp người ta, chàng hỏi thăm, ~~những lời kể trong các vế sau~~, chứ không phải thuê người hỏi. Ấy vì các lời hỏi thăm và nói sau là lời của chàng vừa hỏi, vừa tự nghĩ.

lại ~~tiền~~ biến rồi,

bỏ

đổi

153. <u>Trắng</u>. 154 <u>Rằng</u>. Hai chữ ấy, các bản nôm đều viết <u>hoa</u> và <u>lá</u>. Nhưng thoại ấy không hiệp-vận với <u>nhưng</u>. Tôi nghĩ rằng một là kẻ khắc bỏ sót ít ra cũng hai vế, hai là kẻ sao chép ~~theo~~ sơ-ý ~~lầm Trắng ra Hoa, rồi luôn vì vần mà lầm~~ để lầm ~~vần~~ chữ. Tôi nhận thấy từ cái vế

lẫn

155 Nói thôi lẫn bóng ngàn* thông.
Hương trầm còn thoảng, cánh hồng* đã khơi:
157 Cánh loan* gió cuốn lưng trời,
Tiên về động Bích*, tình rời* cõi trần.
159 Vọi* trông năm thức mây vần,
Hồn chưa đến chốn non Thần* đã mê.

IV TƯƠNG-TƯ

1- Ốm tương-tư

161 Lần trăng*, ngơ-ngẩn ra về,
Đèn thông* khêu cạn, giấc hoè* chưa nên*.
163 Nỗi nàng canh-cánh nào quên,
Vẫn còn quanh-quất giấc tiên* khéo là!
165 Bướm kia <u>vương</u> lấy sầu hoa,
Đoạn tương-tư ấy, nghĩ mà buồn-tênh.
167 Có khi gẩy khúc đàn tranh,
Nước non ngao-ngán ra tình hoài-nhân*
5a 169 Cầu-hoàng* tay lựa nên vần:
Tương-Như* lòng ấy, Văn-Quân* lòng nào?
171 Có khi mượn chén rượu đào*
Tiệc mời* chưa cạn, ngọc giao* đã đầy.
173 Hơi men chưa nhấp đã say,
Như xông mùi nhớ, lại <u>gây</u> giọng* tình.

152-153 thông-suốt. Vậy có lẽ không có sự sót câu, ~~mà~~ chỉ có sự sai chữ. Tôi lại nhận thấy rằng chỉ cần đổi Hoa ra Trắng và Lá ra Răng, thì ~~vừa~~ đúng vần, ~~vừa~~ mà văn vẫn tự-nhiên. Vả chăng, về 146 nói rằng tiên đã biến, chỉ trông thấy ~~bóng~~ trăng trên cành cây. Vậy ở đây, «nhân tơ liễu thấy trăng» để tìm ~~...~~ dấu tiên rất mặn-mà. Vì các lẽ ấy, tôi tin rằng chữa như trên là đúng nguyên-thoại.

165 Vuông. Chữ ~~nôm~~ Bản A lầm ra Kinh vì tự-dạng.

174 Gây. Tuy các bản đều viết như thế, nhưng so vế này với vế «hương ~~đồng~~ mùi nhớ, trà ~~dây~~ khan giọng tình», trong Kim-Vân-Kiều, tôi nghĩ rằng nguyên-thoại cũng là «dây». Dây nghĩa là còn dư lại một ít vị gì chất gì. «Giọng» ở đây nghĩa là vị nghe trong cổ họng.

176 Nện. Các bản nôm đều lầm ra Nặng, vì tự-dạng

178 Dòng Tuồng
Các bản đều viết sông Tương. Nhị Song ~~Tương~~ Tương trở làm mất hết ~~...~~ tinh. Dòng Tuồng trở nước mắt. Đây là ý ấy 淸 › 湧

179 Khi. Các bản nôm đều viết đêm. Tuy ý «đêm» hợp với vế này, nhưng xét từ vế 167 đến 182, ta thấy điền-giả cố ý đặt bốn đoạn tả tình giống nhau. Mỗi đoạn gồm bốn vế bắt đầu ~~như~~ bằng hai tiếng «Có khi» như nhau. Đó là một kỹ-thuật văn-pháp thường dùng.

180 Chim hót Các bản chép quyên ~~gáy~~ hót, nhưng chắc là sai. Trước hết, ý «quyên» đã có ở vế 176. Sau lại nếu ý ấy có lặp lại thì ý «hót» cũng không hợp với tiếng quyên kêu. ~~Vậy hoặc giả chữ chỉ Quyên là lầm một mình, hoặc giả cả hai chữ «Quyên hót» lầm cả hai.~~ Theo tôi, ~~chữ Quyên là bởi chữ gà (gồm chữ Kha và ~~...~~ bộ Điểu) mà lầm ra. ~~tôi~~ Ý «gà» ~~thì chữ «hót» là do chữ gà~~ rất hợp với ý «sớm» trong vế. Nếu chữ «gà» đúng, thì chữ «hót» sai. Đó có thể là chữ «gáy» mà ra chăng?~~

Theo tôi,
chữ Quyên bởi chữ chim mà lầm ra cũng như ~~...~~ sau này ở vế 514, ~~...~~ trái lại, chữ Quyên lại lầm ra chữ chim

190 A. Các bản đều lầm ra ru, làm mất vần. Chắc nguyên-thoại là a, nó vừa đúng vần, vừa tự-nhiên không kém gì chữ «ru»

Có khi ngồi suốt (卒) năm canh:
Mỏ quyên* điểm nguyệt, chuông kềnh* nện sương.
Ỏi* tai những tiếng đoạn-trường,
Lửa tình để nguội, dòng Tương khôn hàn.
Có khi ngắm bóng sao tàn,
Tiếng ~~gà gáy~~ chim hót sớm, trận nhạn bay khuya.
Ngổn-ngang cảnh nọ, tình kia,
Nỗi riêng* riêng biết, dã-dề* với ai. K
Vui ~~chung~~ xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.
Lòng yêu tay vẽ nên thơ.
Mảnh tình phong* với mảnh tờ đưa theo.
Ả Hằng* vì nặng lòng yêu.
Ghế mây mở lối tình-kiều* với nao.
Hỏi cho giáp mặt hoa đào,
Vườn xuân chẳng nhẽ ngăn-rào mãi ~~ra~~!

2. Mách bạn

Đông-song* có gã họ Hà,
Xem tình, mới hỏi lân-la gót đầu*:
56 « Cớ sao chác* lấy mặt sầu?
» Bữa thường* ngao-ngán như mầu nhớ ai?
» Lâu nay vắng-vẻ thư-trai*,
» Vóc sương* nghe đã kém vài bốn* phần.

200 Tháp ý. Các bản đều viết chữ Tháp là ~~cái~~ kiến-trúc ở chùa để làm mồ tăng hoặc để kỷ-niệm. Có lẽ phải đọc tháp nghĩa là ghép vào đúng. Thật ra có chữ Hán đọc Tháp (khấp) hay Đáp ~~có bộ Tài-gẩy~~. Chữ Tháp trong các bản nôm cũng có thể là do chữ hiệp mà lầm ra, vì tự-dạng chăng?

vì nghĩa như tiếng nôm

202 Lướt mùi. Các bản nôm đều viết chữ 𣳮 mà ta có thể đoán là ~~lướt~~ lạt hoặc lướt. Thoại « lạt mùi » chắc sai. Còn thoại « lướt mùi » có thể đúng, nghĩa nó là: nếm qua mùi. Nhưng tôi nghĩ đó có lẽ là « trải mùi », vì ~~tự-dạng~~ chữ Trải (chữ Lịch bên trái, chữ Lại bên phải) có thể lầm ra chữ Lạt.

(– trải)

204 Vóng. Bản A lầm ra sau (tự-dạng hơi giống nhau) [illegible] và 鋑

212 Võ. Bản A và C viết chữ có thể là võ có thể là vương. Có lẽ « võ tơ nhện » trỏ sự ruột rối vò tơ chăng? Dẫu sao, về nầy tối nghĩa

214 Lâm. Các bản đều lầm chữ Lâm (đọc lắm) ra chữ Sum, vì tự-dạng

219 Căn-nguyên. Các bản nôm đều chép ~~[illegible]~~ đảo lại: ~~Nguyên~~ ~~căn~~ nguồn cơn. Như thế thành mất vần

221 Tiên-ki. Các bản nôm đều viết chữ sau bằng chữ Như, tự-dạng rất gần chữ Phi là vợ thứ vua ~~chúa~~ hay là vợ bực vương. « Tiên-phi » không hợp từ. Tôi đoán đó là Tiên-ki. ~~vợ~~ Chữ Ki ~~cũng thuộc bộ Nữ~~ trỏ con gái đẹp. Trong bài thơ Vu-sơn, ~~của~~ Trần Hậu-chúa cũng dùng « Tiên ki » để trỏ thần-nữ ở núi Vu (仙姬將夜月,度影自浮沉)

225 Chuyện tiên. Các bản đều viết hoa-tiên; nhưng « hoa-tiên » thường trỏ hoa hải-đường (海棠為~~[illegible]~~花中神仙 xem Hoa-mộc-lục). Ý ấy vào đây không hợp. Theo nguyên-truyện, cũng như theo đoạn sau ở đây, gã họ Hà kể

197 „Nguồn cơn ngỏ với cố-nhân*
„ Họa-may sẽ đỡ được ngần nào chăng.»
199 Điều đâu thật khéo như rằng.
Nói vào thấp ý, khôn bưng lòng người.
201 "Song thì tình chẳng riêng ai,
x? Bệnh tương-tư có lướt mùi mới hay.
203 " Người ngu, đấng thánh xưa nay.
" Tình-chung chẳng ở vòng này ~~hay~~ sao?
205 " Nói ru? nghe cũng thế nào!
" Lặng ru? nghe cũng nao-nao chẳng đành."
207 Bệnh-căn* khôn nhẽ dối quanh,
Cầm tay mới kể đinh-ninh mọi điều:
209 «...Nói bao-nhiêu, tưởng bấy nhiêu
» Ghê cho sắc ngọc* hay xiêu lòng vàng*!
211 » Những là tiếc phấn, say hương,
» Nên vò tơ nhện, mà vương tơ tằm*.
213 » Sầu đương bể, khác như nằm, K
» Xương mai* chịu được mấy lăm mà gầy.
215 » Nghìn xưa* ai cũng thế này, Kiều, 1907
» Gánh sầu san-sẻ ai đầy ai vơi.
217 » Lạ cho cái giống hương trời*!
» Biết năm, biết thuở, biết đời nào quên?»

K

chuyện Lê Thánh-tông gặp tiên ở chùa Ngọc-hồ. ~~Phải hàng~~ Chữ Truyện viết thảo có thể làm ra chữ Hoa.

忤 228 <u>Sửa</u>. Các bản đều viết một chữ không thành hình chữ gì. Đó có thể là chữ <u>Gạn</u> mà sai ra. « Gạn » nghĩa là yêu-cầu; ý ấy cũng khá đúng nguyên-truyện, chép lời bạn rằng:

« Mười lăm năm trước, vua Thánh-tông Thuần-hoàng-đế ra khỏi cung, đi chơi. Xe qua chùa Ngọc-hồ, vua thấy một cô gái đẹp trong lầu chuông hát câu:

« Ở đây mến cảnh mến thầy.
Tuy vui đạo Bụt, chưa khuây lòng người. »

« Vua mến tài và tứ của nàng, bèn yêu-cầu cùng thi nhau làm thơ. Nàng mời vua làm trước. Vua đòi đầu-đề. Nàng liền lấy câu vừa ngâm để làm đề. Vua làm bài như sau:

« Gẫm dị trần-duyên khéo mực cười,
Tuy vui đạo Bụt, chửa khuây người.
Chầy kềnh mây khác tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.
Bể thảm muôn tầm mong tát cạn,
Sông ân nghìn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu tá?
Cực-lạc là đây, chín rõ mười.

« Nàng xem xong, phê lên hai câu đề rằng "Thiếu ý cảnh", bèn đổi bốn chữ <u>Chầy kềnh mây khác</u> ra <u>Gió thông đưa kệ</u>; và đổi hai chữ <u>ba canh</u> ra <u>mơ tiên</u>, chữ <u>thảm</u> ra <u>khổ</u>, chữ <u>sông</u> ra <u>nguồn</u>. Vua rất khen ngợi, mời nàng vào cung. Vậy nàng ~~cùng~~ với vua đi cùng xe. Khi về đến cửa điện thì nàng bay lên không mà mất. Bây-giờ vua mới biết nàng là Tiên

Bạn an-ủi

Hà nghe nói hết căn-nguyên.
Nghĩ thầm: sự ấy quả-nhiên rằng kỳ:
« Chẳng thần-nữ, cũng tiên-ki.
» Duyên xưa còn có chút gì hay không?
» Lá hồng ra mối chỉ hồng*;
» Nước bèo* kia cũng tương-phùng* có phen.
» Ngọc-hồ nghe có chuyện tiên,
» Thánh-tông* thuở trước qua miền ấy chơi.
» Lầu chuông xẩy* gặp một người,
» Ngâm câu thần-kệ*, sửa bài quốc-âm*.
» Ngự* khen tú khẩu, cẩm tâm*;
» Đấu* riêng vì sắc, yêu thầm vì thơ.
» Rước về, rắp gạn tóc-tơ;
» Gót tiên thoắt đã khác-giờ* còn đâu.
» Mười lăm năm nọ chưa lâu;
» Còn di-tích đó là lầu Vọng-tiên*. »
Lạ tai, nghe những chẳng tin,
Thử cho coi thấy nhận-tiền, mà ghê!
« Nhận ra trong lá thơ đề,
» Bút tiên chi để điểm-mê* lòng phàm.
» Những là én bắc, nhạn nam*.
» Ngăn hoa, cách nước*, dễ làm sao đây?

«Vua bèn dựng một lầu ở ngoài cửa điện để làm nơi trông ngóng. Nay là lầu Vọng-tiên ở trước cửa Đại-hưng ngoài cửa điện»

Xem chuyện trên thì ~~bài gieo thơ gieo-âm~~ chính vua yêu cầu thi thơ, vậy không phải nàng «gạn bài gieo-âm». Nàng chỉ chữa sửa bài của vua. Tôi nhận thấy chữ bất-thành-hình kia có thể là chữ Sở (= thửa) mà ta ~~có thể~~ đọc sửa.

~~235 Lạ tai. Các bản đều chép thế. Nhưng với ý ấy, thì hình như hai vế 235, 236 không phải lời Hà nói nữa. Theo nguyên truyện, thì sau khi kể chuyện Lê Thánh-tông gặp tiên, Hà nói tiếp:~~

236. Thử cho. Hai vế 235, 236 mạch-lạc không rõ. Xét ý vần, ta hiểu rằng: ~~Tú~~ sau khi nghe Hà kể chuyện tiên, Tú-Uyên còn nghi-ngờ chuyện mình, bèn đem lá thơ đã bắt được ra xem. Vậy hai ý «Lạ tai» và «Thử...» ở hai vế ấy đều qui về một chủ-động là Tú-Uyên. Như thế thì văn mới rõ. Nếu vậy, thì chưa chắc chữ cho đã đúng; có-lẽ là đem chăng?

237. Vì mạch-lạc không rõ, nên khó chấm câu phân biệt lời Hà, lời Tú-Uyên hay lời tác-giả. Tôi đoán rằng bắt đầu từ đây là lời Tú-uyên.

242. Cũng ~~Nay~~. Các bản đều viết thế. Nhưng nghĩa vế này tối. Ý là: cũng có ngày ở gần nhau. Nếu đổi «cũng ngày» ra «có ngày» thì rõ ý hơn

244. Khuôn. Các bản viết như vậy. Chữ này tự-dạng gần chữ Nhân. Có thể đây là nhân-duyên chăng?

255 ~~Xuân~~ Xuân sang. Các bản nôm đều viết chữ Lang là chàng. «Xuân-lang» không có điển-cố gì. Chắc đó là chữ sang (~~gồm chữ Lang và bộ Quai-xước~~). Chữ Xuân đầu trỏ mùa xuân, chữ Xuân sau trỏ tuổi trẻ.

6b

241 " Tuy rằng cách-trở đông tây,

" Dẫu xa-xa vậy, cũng ngày gần nơi.

243 " Góc Đằng* cách mấy dặm khơi

" Khuôn duyên* đành đã gió trời thổi đưa. »

245 — Hà rằng: « Hương lửa* duyên ưa

" Có khi tình trước còn chờ hội sau.

247 " Đành rằng kì-ngộ* nan cầu*,

" Biết đâu non thẳm, duềnh sâu, mà tìm.

249 " Biết đâu nhắn cá, gửi chim,

" Vớt trăng đáy nước, mò kim trong duềnh.

251 " Biết đâu ả Tố, nàng Quỳnh,

" Việc chi nhờ phỏng*, sầu quanh, khéo là!

253 " Chắc* chi lấy nợ phong-hoa*,

" Mối duyên phó mặc trăng già*, phải nao?

255 " Xuân sang, xuân đã già nào,

4/13 nay " Chờ sau mai nở [nảy], thơ đào chẳng lâu. »

4 Giường Khuây

257 Vắt tay, ngẫm-nghĩ xưa sau,

Như ai cất đứt gánh sầu thoảng không.

259 Nói cười tươi-tắn* thong-dong,

Đổi lòng phong-nguyệt* ra lòng vân-thiên.*

261 Thôi ngóng khách, lại chờ tin,

Thư nhàn* ngày vắn, gối uyên* đêm dài.

256 <u>Thơ đào</u>. Các bản nôm đều viết <u>thì đào</u>. «Thì» là ~~một~~ giới-từ. Thoại ấy không thành nghĩa. Tôi đoán đó là chữ Thi, dị-dạng gần chữ Thì. Thi là thơ. <u>Thơ đào</u> trỏ sự ~~kết~~ cưới vợ (thơ Đào-yêu trong Kinh Thi tán sự con gái đến thì lấy chồng). <u>Mai-đình-mộng-ký</u> có: «Sâm bằng dậy đã, thơ đào lại ca». Ý hai vế 255 – 256 là: Mùa xuân tới, tuổi anh chưa già, đợi hoa mai nở (đông hết) thì anh sẽ cưới vợ. Đó cũng đúng ý với trong nguyên-truyện, Hà bảo Tú-uyên rằng: ~~ở bàn dưới trần thiếu gì con gái đẹp chẳng kém Tiên. Với tài của anh, khó gì chẳng lấy được~~ « Tiên có thể gặp được, nhưng khó tìm. Chùa Quỳnh-lâm, vườn Hạnh-uyển là chốn Bồng-lai ở nhân-thế. Với tiền-tài của anh, chắc anh đứng vào chỗ cao nhất. Và "Trong sách có con gái", cũng không kém vẻ đẹp của người trên cung mây đâu...»

<u>Đứt</u>
258 Các bản nôm viết chữ ~~gồm bộ Mịch (sợi) và chữ Thả, hay chữ Đản~~. Tôi đoán đó là chữ ~~Đát (bộ Nữ và chữ Đ Đản)~~, ~~đọc~~ <u>đứt</u>, nghĩa ở đây là hẳn.

272. <u>Giát</u> chữ nôm, nghĩa là "đo" ... thêm "chỗ" "đan" có nhiều rồi

273. <u>Sịch</u>. Các bản đều viết chữ Trịnh, thường đọc <u>chạnh</u>, nghĩa là cảm-động. Tuy ý cũng khá hợp, nhưng tiếng này cần có bổ-từ (ví như chạnh lòng, chạnh niềm, chạnh dạ) chứ không đi với tiếng Đâu. Tôi đoán đó là chữ ~~Sịch~~ Trịch (gồm bộ Tài-gẩy và chữ Trịnh), đọc <u>sịch</u>, nghĩa là thình-lình.

277)

280. <u>Thiết-bảng</u>. Các bảng đều viết chữ Bảng gồm bộ Kim và chữ Bàng. Có lẽ chính là chữ Bảng với bộ Mộc. Thiết-bảng là cái bảng bằng sắt. Trong nguyên-truyện chép Kim-giản, là cái thẻ vàng.

277. <u>Giại</u>. Bản A.B viết chữ ~~mà ta đoán~~ mà ta có thể đoán là chữ gồm bộ Hoả ~~và chữ mà Trại ta đoán là Trại. chữ nôm, âm~~ đọc <u>giại</u>, nghĩa cũng như giọi; tức là chiếu thẳng vào. Bản C muốn đổi ra ~~chữ gồm bộ Hoả và chữ Xích~~ (~~là đỏ~~). ~~Hoặc là muốn viết chữ <u>Xích</u>, nghĩa là địch, đổi~~ ý ~~là~~ trăng lên, bóng cành theo ~~dịch~~ mà đổi chỗ. ý chừng muốn nói

火赤 > 火昜
(vì từ + dây)

Bâng-khuâng một mối viễn-hoài,*
Khi trông sân tuyết*, khi ngoài trời Tây.*
7a Ngày thường ngắm cảnh am mây,*
Người buồn, xui cả cỏ cây cũng buồn.
Còn trời, còn nước, còn non,
Mây xanh, nước biếc vẫn còn như xưa.
Hoa đào còn đó trơ-trơ,
Mà người năm ngoái bây-giờ là đâu.
Hiu-hiu gió phất chìm lau,
Càng như gắt mối tơ sầu* vào thêm.

V. BẠN VỚI TRANH

1 Cầu mộng

~~Chạnh~~ Sịch đâu, nhớ chuyện bốc-tiêm*;
Tới đền Bạch-mã* dãi niềm cầu duyên.
Khấn rồi, ra chái tây-hiên.*
Nén hương tắt đỏ, ngọn đèn nhỏ to.
Bóng trăng vừa <u>giại</u> cành ngô*,
Giấc hoè* dìu-dịu, chăn cù* êm-êm.
Thấy người cao mão, rộng xiêm,
Tay cầm thiết-<u>bảng</u> trang-nghiêm khác vời.

291 <u>Trót</u>. Các bản viết chữ ~~[illegible] bộ Tâm và chữ Suất. Chắc là chữ~~ chắc là âm <u>trót</u> nghĩa là hoàn-toàn, đầy. Theo tự-dạng, cũng có thể đọc ra <u>suốt</u> hay <u>sốt</u> (nóng lòng).

299. <u>Đạm</u>. Các bản đều viết chữ <u>Đạm</u> là lạt. Chữ ấy cũng có thể đọc ra <u>đậm</u> hay <u>đượm</u> (ý trái hẳn với Đạm). Đây tả về người đẹp, vậy hình như «vẻ đậm» hợp hơn. Nhưng, thực ra thì đây tả bức đồ hội-họa, tả đường nét vẽ, màu tô. Mà theo quan-điểm mỹ-thuật xưa, ta thích nét lạt màu thanh. Trong Kiều có: « <u>Đạm thanh</u> một bức tranh tùng treo trên ». Theo lẽ ấy, thoại «đạm» phải hơn

300 <u>Gấp</u>. Các bản đều viết thế. Nhưng thực ra, Quảng-vân đình không phải nơi gấp trên, mà lại là nơi tiên biên. Đây có lẽ là chữ <u>biên</u> mà lầm ra chữ Cập. đọc <u>gấp</u> chăng?
(邊 → 及)

286 <u>Ủ ủ</u>. Các bản đều viết hai chữ Yêu. Có lẽ đọc <u>ủ-ủ</u>, nghĩa là mờ mờ nắng. Hay tiếng ấy dùng trỏ lúc ~~trời~~ mặt trời bị mây che, chứ không dùng vào ~~khúc~~ lúc rạng đông.

Trước sân sảng-sảng* dạy lời:
Rằng: « Mai, sớm đợi ta ngoài sông Tô.
" Lọ là oanh yến* hẹn-hò;
" Cầu-Đông* sẵn lối cầu Ô* đó mà! »

2. Gặp tranh mỹ-nữ

Vội mừng chợt tỉnh hồn hoa*,
Sao vừa lợt-lợt, trời vừa <u>ĭu-iu</u>*.
Lòng yêu phải khiến chân theo,
Xăm-xăm* ra đó, vắng teo thấy gì.
7b Nước trong vắt, cỏ xanh rì.
? Thạch-kiều* thấy đó, giai-kì* nào đâu?
Trông-ngong đã <u>trót</u> giờ lâu,
Ấp cây* mãi thế, ra màu cũng quê*.
Chán chiều*, thơ-thẩn ra về,
Xem tình dở tỉnh, dở mê, nực cười!
Bỗng may, lại gặp một người*,
Tay mang tranh vẽ, gót dời dường hoa. rồi
Liền tay* xin lĩnh xem qua:
Truyền-thần một tượng tố-nga* rành-rành.
Yến oanh* vẻ <u>đậm</u>*, màu thanh,
Như người <u>gặp</u> Quảng-văn-đình ngày xưa.
Càng nhìn nét bút, càng ưa,
Chàng Vương* dẫu mạc*, bao-giờ cho nên.

305 Mưa hoa. Các bản chép như thế. Trỏ sự hoa rụng như mưa. ~~Không~~ rõ ý ấy không ăn-nhập vào vế này. Phải chăng có sự sao-chép lầm? Hay là «mưa hoa» trỏ mùa xuân hết. Tú-Uyên mua tranh vào mùa xuân. Qua mùa hè, đóng cửa ở nhà. Đoạn sau (từ vế 311), sẽ ~~đã~~ nói đến mùa thu.

313 Tấm thường. Các bản ~~nôm~~ đều chép: tâm thường. Nhưng thành-ngữ là lòng thương. Thì vẫn ~~đã~~ có dùng «tấm-thường», tấm tức là tấm lòng. Kiều có: «Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thường» Chữ Tấm gồm ~~chữ~~ bộ Phiến và chữ Tâm.

312 Chất. Chữ nôm ~~viết với bộ Thổ và chữ Chất. Có thể Tố là at bộ Tai-gảy.~~ Âm có-thể là chữ Chất hay chữ giất. Tiếng «ngàn» ở đây không trỏ cái rừng cây ở xa, mà trỏ cái đường cao, cái bờ. «Ngàn sương» là bờ cỏ sương bám vào trông trắng. Vì thế, thoại «chất bạc» phải hơn.

321 Phòng đào. Tức là «hồng-khuê» nghĩa là phòng đỏ, phòng điều, ~~chỗ~~ tượng-trưng chỗ con gái ở. Chữ này thường hay lẫn với Phòng ~~thêm~~ thêu, lẫn vì tự-dạng và nghĩa đều gần giống nhau.

3 Bạn với tranh

303 Mua về treo chái thư-hiên*,
Như ai đem ngọc giải-phiền* lại cho.

~~Bạn với Tranh~~ –

305 Mưa hoa, khép cánh song hồ*
Sớm khuya với bức họa-đồ làm đôi*.

307 Mâm chung một, đũa thêm hai.
Thơ trên dưới Nguyệt, rượu mời trước hoa.

309 Tưởng gần, thôi lại nghĩ xa,
Có chăng hình-ảnh cũng là phát-phu*

4 ~~Thân vân~~ Xúc cảm tranh.

311 Êm trời, vừa tiết sang thu:
Ngàn sương chất bạc, lá ngô* rụng vàng

8a 313 Chiều thu như gợi tâm thương,
Lòng nào trông xuống sông Tương* mà đành.

315 Kể bên, nằn-nì bày tình;
Nỗi nhà thuở trước, nỗi mình ngày xưa: K

317 « Từ phen giáp mặt đến giờ,
» Những là thức tưởng, nhắp mơ, đã chồn*.

319 " Ấy ai điểm phấn, tô son?
" Để ai ruột héo, gan mòn vì ai!

321 " Bường đào nửa bước chẳng dời; rõ
" Nghìn vàng đổi được trận cười ấy chăng?

325 <u>Nghe</u>. Các bản đều viết như thế. Ý là trông thấy.

336 <u>Liệu chừng</u>. Các bản đều viết như thế. Ý là: Tú-Uyên tính thời giờ đoán là ~~ngủ mớ~~ tiên-nhân đã đến ~~đưa~~ giọn cơm. Nhưng chữ Liệu có thể bởi chữ <u>nửa</u> ~~(gồm bộ chữ Nữ và chữ Bán)~~ mà lầm ra vì tự-dạng. «Nửa chừng» lại hợp với lời ~~tản~~-văn ở nguyên-truyện chép: «Một hôm, giả đi trường, <u>nửa đường</u> thì trở về.

料 ≷ 姅

"Rày xin bẻ khóa cung trăng
"Vén mây mở mặt chị Hằng chút nào!"
Chợt <u>nghe</u> phới-phới miệng đào,
Mặt hoa hớn-hở dường chào chúa Đông*.
Cho hay tình cũng là chung,
Khách tiên chẳng dễ qua vòng ái-ân.*

VI TIÊN-HÔN

1 Mỹ-nữ hiện-hình

Một khi ra việc trường-văn*,
Trở về đã thấy bát-trân* sẵn-sàng.
So xem phong-vị* khác thường:,
Mùi Mùi hoa sực-nức, mùi hương ngạt-ngào.
Bếp trời* sẵn đó hay sao?
Của đâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi.

Rạng mai, cứ buổi ra đi.
<u>Liệu</u> chừng thoát trở lại về thử coi
8b Uẩy đâu thấy sự lạ đời!
Trong tranh, sao có bóng người vào ra.
Nhởn-nhơn* mày liễu, mặt hoa,
Nầy người khi trước, đâu mà đến đây? K

342 Sẽ. Các bản đều viết chữ Sĩ (là làm quan), đọc sẽ, nghĩa ở đây là nhẹ-nhàng, khẽ. 仕

姝 350 Tiên-~~thù~~ xu. Các bản nôm đều lầm chữ ~~Thù (gồm bộ Nữ và chữ Chu)~~ xu ra chữ Châu, ~~(gồm bộ Ngọc và chữ Chu)~~ vì tự dạng. Xu là con gái trẻ, đẹp. Nguyên-truyện chép lời người con gái đáp: "Thiếp là Nam-nhạc tiên-xu, hiệu là Hà-giang-kiều..." 姝 < 珠

358 Nhấp sầu. Các bản A, B viết ~~chữ gồm bộ Khẩu và chữ Yêu. Chắc đó là sai.~~ Bản C chữa ra Nhấp ~~(bộ Khẩu và chữ Nhập)~~, nghĩa là uống ít một. Các bản A, B viết ~~chữ (gồm bộ Khẩu và chữ Thiên)~~ (tự-dạng gần chữ Nhấp. ~~Nhưng~~ đó cũng có thể là chữ Uống mà lầm ra. Dầu chữ nào, thì ý uống hay nuốt cũng đúng. « Nhấp sầu gối muộn » trỏ sự buồn luôn luôn: ăn cũng sầu, ngủ cũng buồn. Chinh-phụ-ngâm có « Tạ sầu vi chẩm (hề), chử muộn hề vi xan. », nghĩa: tựa sầu làm gối, nấu muộn làm cơm. 叭 < 呋 > 咗

thừa nét; chữ ấy

360 Vẩn. Các bản đều viết chữ ~~gồm bộ Thủy và chữ Vật. Đọc~~ vẫn hay vẩn. Đây đọc vẩn, nghĩa là làm bối-rối.

345 Tình. Các bản đều viết vậy, nhưng trùng vận với vì tiền.

食肉 : 李太白: 戰城南詩: «烏鳥衔人肉 食肉飛不起

341 Nàng đang trang-điểm, nào hay;
Cửa ngoài, sẽ (khẽ) hé cánh mây*, bước vào.

2 Đính-hôn 343

343 Vội-vàng đánh tiếng, xa chào;
Bên mừng, bên lệ*, xiết bao là tình.
345 Rằng: « Bấy lâu một chữ tình.
" Gặp đây xin ngỏ tính danh cho tường. »
347 — Nàng rằng: « Bồ-liễu phận thường,
" Vì mang má phấn, nên vương tơ điều*
349 " Vốn xưa, thiếp khách thanh-tiêu*,
" Tiên-~~thư~~ [xu] là hiệu, Giáng-Kiều là tên.
351 " Ba sinh* đã nặng vì duyên,
" Đem thân liễu yếu kết nguyền đào thơ*.
353 " Nhân-duyên đã định ngày xưa,
" Tờ trắng* xe đến bây-giờ mới thân.
355 " Cũng là nhờ đức Tiên-quân*,
" Đoá hoa biết mặt chúa Xuân* từ rày. »
357 — Sinh rằng: « Trong bấy-lâu nay,
« Nhấp sầu gối muộn* có ngày nào ngơi.*
359 " Đã rằng tác-hợp* duyên trời,
" Làm chi cho vẩn lòng người lắm nao? »
9a 361 — Nàng rằng: « Xin quyết gieo cầu*
" Tâm son thề với trên đầu xanh-xanh.*

363 <u>Thôi-Oanh</u>. Các bản đều làm ra <u>yến-oanh</u>. Tuy thoại «Yến oanh» cũng có nghĩa, nhưng đây chắc rằng tác-giả dùng tích nàng Thôi-Oanh. Trong nguyên-truyện chép lời Giáng-Kiều, có: «Kìa nàng Thôi Oanh đã nhẹ dạ dâng ngọc, cho nên khó được hưởng cảnh vui kết-hợp...». Vả đi về 364 đến về 368 đều ngụ ý đến chuyện Thôi Oanh tư-thông với Trương Chân ở Chái Tây chùa Phổ-cứu.

365. Các bản đều chép vế này ra «Gieo <u>cầu</u> trước đã <u>dở-dang</u>» ~~nghĩa là~~ ~~Nhưng từ không hợp~~ hoặc văn kém, vì hai chữ «Gieo cầu» vừa dùng ~~ra~~ ở vế 361. ~~Mà trò cũng không hợp.~~ «Gieo cầu» trỏ sự ~~kết~~ chọn ~~vợ~~ chồng một cách chính-đáng; vậy dùng vào chuyện tư-thông của Thôi-Oanh không hợp. Vả chăng tự-dạng chữ Thoa ~~(thoa)~~ (đọc ~~thoa hay~~ thoi hay soi) khá giống chữ Cầu. Kẻ sao chép xưa có lẽ không hiểu tích «gieo thoi» nên đã chữa chữ Thoi và các chữ «Chẳng giữ-giàng». Nguyên tích "gieo thoi" là trỏ chuyện người con gái đẹp đời nhà Tấn bị Tạ Côn (một danh-sĩ) đến ~~gheo~~ tán ghẹo; nàng đang dệt vải, bèn ném thoi vào mặt Tạ Côn làm gẫy răng chàng (<u>Tấn-thư</u>). Trong chuyện Tây-sương-ký (Chái tây hoặc Mái Tây) chép lời Thôi Oanh, cuối cùng hối-hận, gửi cho Trương, có câu «... ấy vì chàng đã lẩy đàn khiêu khích thiếp, và thiếp không ~~dì~~ gieo thoi cự lại chàng...» Chuyện Kiều cũng dùng chuyện Thôi oanh để đặt vào lời Kiều cự lại Kim-Trọng: «Gieo <u>thoi</u> trước chẳng <u>giữ-giàng</u>, để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai»

chính-đính

369. <u>Gió đông</u> chữ ~~Đông~~ Đông là phương đông (xem vế 12). "gió đông" trỏ gió ấm mùa xuân, gợi ~~lòng~~ tình yêu.

370 <u>Vả</u>. Các bản nôm đều viết chữ Thả là vả. Chắc đó là chữ <u>Vả</u>

384 <u>Có... là đâu</u>. Các bản đều chép như thế. Tuy ta có thể biện ra nghĩa: chưa có chút gì tạ ơn các bạn, nhưng văn non, nhất là hai tiếng «là đâu». Hoặc giả đó là «<u>giã nhau</u>» chăng? Có thể phải, nhưng ý «giã nhau» sẽ có trong vế sau. Xét ý suốt từ vế 381, thì ~~có thể~~ ý vế này có thể là: bấy nay tôi chưa

363 " Đám đâu học thói <u>Thôi</u> Oanh.
" Mặn tình trăng-gió,* lạt tình lửa-hương*.
365 " Gieo <u>thoi</u>* trước <u>chẳng giữ-giàng</u>.
" Sau nên nát đá, tan vàng, như chơi. fai
367 " Chái Tây còn để tiếng đời,
" Treo gương kim-cổ cho người soi chung.
369 " Lạ gì hoa với gió <u>đông</u>*!
" Tiếc xuân, <u>và</u> cũng nể lòng chim xanh*.
371 " Một mai, mưa gió vô-tình,
" Vóc* tan nên để yến-oanh hững-hờ.
373 " Nghĩ trong thân-phận yếu-thơ,
" Làm chi để tiếng sờ-sờ ~~về~~ lại sau. »

3. Bạn tiên mừng

375 Nói thôi, rút chiếc trâm đầu,
Biến hình, liền thấy đôi hầu theo ra.
377 Tưng-bừng* sắm-sửa tiệc hoa*.
Bình trầm đưa khói, chén hà* ướm hương.
379 Giọng tình*, sánh* chén quỳnh-tương*.
Giả say, Sinh cũng toan đường lần-khân*.
381 — Thưa rằng: « Tác-trái, tiền-nhân;*
» Không-những,* để xuống cõi trần này chi.
383 " Song còn mấy kẻ tương-tri*,
" Bấy nay chưa <u>có</u> chút gì <u>lại đâu</u>.

9

ngờ cho các bạn tôi biết chuyện tình-duyên này. Vì vậy tôi ngờ rằng nguyên thoại là: « Bấy nay chưa ngỏ chút gì là đâu » Trong nguyên truyện không có ý ấy, mà chỉ chép lời Giáng-Kiều nói: « ... ~~Nhưng đối với~~ Thiếp đã đem chân giẫm xuống cõi Diêm-phù, há lại không có ý người phàm. Nhưng đối với các bạn tiên, từ khi cách biệt, chưa có lời từ-tạ »

390 Đối. Các bản đều viết chữ ~~đang~~ mà, tuy thừa nét, ta có thể nhận là đối*. ~~ĩ~~ Nhưng « đối hoa » không ăn ý với vế này. « Đối hoa » hợp ý hơn; nghĩa: trước hoa. 掛 > 对

391. Ráng mây. Các bản A.B khắc chữ không thành hình, nhưng gần chữ Lãng. Bản C chữa ra Rạng* ~~(gồm bộ Hoả và chữ Lãng)~~. Nhưng « Rạng mây » không hợp. Tôi đoán đó là chữ Ráng* ~~(Bộ Vũ và chữ Lãng)~~. Ráng ~~mây~~ là mây có màu sắc sáng đẹp bởi bóng mặt trời sáng hoặc chiếu giọi vào. Người ta cho đó là nơi tiên ở. 閬 燗 > 霩 ?

401 Chuốc. Các bản đều chép chữ ~~gồm bộ Tài-gẩy và chữ Lan~~ mà ta đã đọc là dan ở vế 389, và thường đọc là dan (như: dan tay). Nhưng « dan chén » hay « dàn chén » đều không hợp. Và chăng trong các bản nôm, bên cạnh cái chữ này cũng có chữ y như thế. Tôi ngờ rằng vì nó mà kẻ khắc đã lầm. Có lẽ ở chỗ này, nguyên có chữ cũng nhiều nét rườm-rà như chữ kia. Cho nên kẻ khắc sơ ý lẫn hai chữ. Theo ý thì đây có lẽ là « chuốc chén » hay « rót chén » hay « cạn chén ». Tôi chọn thoại « chuốc chén », vì chữ chuốc nhiều nét lắm. 攔 < 攎 (掜? 420)

403 Lẫn. Các bản đều viết chữ dan vừa nói trên ~~(bộ Tài gẩy và chữ Lan)~~. Có lẽ đó là chữ ~~gồm bộ Xa và chữ Lan~~, ~~đọc~~ lẫn*, tức là dịch nghĩa đen chữ Chuyển. Thật ra, chữ « lẫn » ~~thường~~ viết với chữ Lân, phải hơn với chữ Lan.

轥 < 轞

Bạn loan 鸞朋鷗侶 (鷹) 鷺朋鷗侶 鸞朋燕友 鵲侶 鳳侶 鶴侶 鸞鳳侶 鴛鴦侶 鴻雁侶 鸞鳳侶

白居易诗：好去鸞鳳侶冲天便不还 ‖ 施家大诗 安知乘鸾侣...

9b

385 "Trước xin giã bạn cung chân*,
"Chữ duyên này trở về sau còn dài"
387 Nghe lời nói cũng êm tai,
Chiều lòng chi nỡ ép nài mưa mây*.
389 Trước sân dàn cuộc tỉnh say,
Tiếng vui đãi nguyệt, tiệc vầy* đối hoa.
391 Ráng mây bỗng kéo quanh nhà,
Thảo-am* thoắt đã đổi ra lâu-đài.
393 Tường-quang* rạng một góc trời.
Nhởn-nhơ áo, mũ, xiêm, hài, biết bao.
395 Người yểu-điệu, kẻ thanh-tao*,
Một người một vẻ, ai nào kém ai.
397 Lả-lơi bên nói, bên cười;
Bên mừng cố-hữu, bên mời tân-lang*.
399 Đong-đưa đưa thắm, chen vàng,
Vũ-y* thấp-thoáng, nghê-thường* thướt-tha.
401 Yến-tẩn* chuốc chén năm ba,
Người còn vui tiệc, khách đà cáo say.

4 Kết-hôn

403 Kể ra lăn bánh xe mây,
Người vào cẩm-trướng* vui-vầy bạn loan*.
405 Tả-tơi mấy lớp hoa-nhan*.
Giải chăn thúy-vũ*, buông màn phù-dung*.

405. <u>Lớp</u> Các bản A, B viết chữ gồm ~~bộ Trúc và chữ Bính (hay Cọng?)~~ không thành hình, và Bản C chữa ra chữ ~~gồm bộ Trúc và chữ Lập~~ lạp, thường đọc là <u>Lợp</u>, hoặc <u>Lớp</u>. Với thoại nào, ý cũng không thông. Hoa-nhan trỏ mặt ~~đàn~~ con gái đẹp, đây chắc trỏ mặt Giáng-kiều (bị tả-tơi). Vậy hai tiếng « mấy lớp » không ~~phải~~ ăn với « hoa nhan »., mà ăn ngược với « tả-tơi », và nghĩa tiếng Lớp là lượt, lần, chập chăng? 笶 > 笠

416. <u>Năm tám năm</u>. Các bản đều chép như thế. Ta có thể nghĩ rằng đó là « duyên tám năm » mới phải. Nhưng chính nguyên-truyện chép lời Giáng-hương có: « Đoạn nhân-duyên trong năm tám năm, đến nay mới cũng chẳng ~~định~~ hẹn được ».

420 <u>Rượu</u>. Theo bản C. Các bản A, B lầm ra một chữ mà tôi sẽ đoán là Ẩn (xem chú thích 422).

<u>So</u>. Các bản đều viết chữ ~~gồm bộ Tài gẩy và chữ Lô,~~ âm <u>lừa</u> * hay là ~~đọc so~~ ~~Đó là chữ nôm cũ, đọc~~ âm <u>so</u>, mà thường người ta hay lầm ra <u>lừa</u>. « So dây » nghĩa là gẩy các dây đàn để căng cho đúng mực; thành-ngữ dùng để trỏ sự gẩy đàn. Kiều có: « So dần dây vũ dây văn. »

421 <u>Tuyết</u>. Các bản đều khắc mất hoặc thừa nét. Nhưng ta có thể nhận chắc rằng đó là chữ Tuyết.

<u>Hoa</u>. Các bản đều viết <u>sương</u>. Tôi chắc đó là lầm. Đây tả cảnh đẹp, vui, ~~chứ không~~ cảnh « tuyết phun, hoa bay » chứ không phải cảnh buồn « tuyết phun, sương bay ». Và chăng từ vế 419 đến 426, văn-pháp rất chặt, kỹ-thuật đối chọi rất công-phu: ~~bốn~~ vế đầu (419-422) đối với ~~bốn~~ vế dưới (423-426), ~~và~~ trong mỗi nửa ấy, hai ~~bốn~~ vế trên lại đối hai vế dưới, cuối cùng, trong mỗi vế, nửa trên cũng đối nửa dưới (trừ hai vế 424 và 426). Riêng hai vế 424 và 426 lại có tính-cách ~~tổng~~ bao quát và ~~tóm~~ nhắc lại các vế trên: vế 424 nhắc bốn thú « cầm, kỳ, thi, tửu » tả ở các vế 420, 422; vế 426 nhắc bốn cảnh « phong, hoa, tuyết, nguyệt » tả ở các vế 419 và 421. Vì các lẽ ấy, mà tôi tin chắc rằng chữ <u>sương</u> ở các

5

407 ~~Đông~~ Phong tiên dìu-dặt* chén đồng*
Rèm tương* rủ thấp, trướng hồng* treo cao.
10a 409 Buồm ngự* hé cửa động Đào*,
Mây tuôn bể ái*, mưa dào sông ân*.
411 Mấy vàng trị* được khắc xuân,
Xưa nay tài-tử, giai-nhân*, lạ gì!
413 Đành hay thiên tải giai-kì*,
hay Trăng già* xe đã phải thì đào non*.
415 Cũng là một sợi tơ son,
Năm trăm năm* cũng vuông-tròn từ đây.

5 Hoà-hợp

417 Phím loan* từ thuở bén* dây,
Khi đằm-thắm, đã bõ ngày nhớ-nhung.
419 Khi gió mát, lúc trăng trong
Bầu tiên chuốc rượu, phím đồng* so dây.
421 Khi tuyết phun, lúc hoa bay,
Câu thơ trước án, bàn vây* bên bình*.
423 Người tuấn-tú*, kẻ khuynh-thành;
Cầm, kỳ, thi, tửu đủ vành trần-duyên*.
425 Người tao-nhã, khách thuyền-quyên*;
Phong, hoa, tuyết, nguyệt, là tiên trong đời.
427 Nhã lan* sum-họp bạn mai*,
Đã trong tần-tảo*, lại ngoài ti-ca*.

bản nguyên là chữ <u>hoa</u> và chữ <u>họa</u> ở vế 424 nguyên là chữ <u>tửu</u>. Kẻ sao chép trước đã vì sơ-ý vừa vì quen miệng, quen tay mà ghép ~~tam~~ thành « tuyết... sương » và « cầm kì thi họa ».

422 <u>Án</u>. Các bản đều ~~chép~~ viết chữ này không thành hình, nhưng theo A, B thì ta nhận rõ đó là chữ Rượu. Còn chữ Rượu ở bên cạnh phải (vế 420) thì bản A.B lại viết bằng một chữ cũng gồm bộ Dậu như Rượu, nhưng với phần âm ~~hình~~ dạng giống chữ Án (là cái ~~yên~~ bàn dùng để đọc hoặc viết). Tôi đoán rằng nguyên đó là chữ Án, ~~ko~~ mà kẻ sao hay khắc đã lầm ra và tráo lẫn với chữ Rượu ở cạnh kia.

醾 > 案

<u>Bình</u>. chữ Bình nghĩa là cái chắn gió đặt phía trong cửa (bình phong)

424. <u>Tửu</u>. Xem chú-thích 421. <u>Hoa</u>.

428 <u>Trong</u>. Theo C.; các bản A.B bị mất gần hết nét, mà nét còn lại không ~~phải~~ thể khiến ta đoán là chữ <u>trong</u>. Nhưng theo ý vế và sự tiểu-đối của vế, thì chắc đó là « trong ». Có lẽ nguyên A, C khắc lầm chữ, rồi sau cạo đi, nhưng chưa sạch nét.

430 <u>Dăm</u>. Các bản đều viết Trăm, không đúng ý vế này: muốn tả 五年 thời-gian thấm thoắt ba năm mà thôi. Sự lầm ấy bởi dị-dạng

436. <u>Đủa</u>. Các bản đều viết vậy. "Đủa" tức là chửa lời. Kiều có: « Bên đường lên trong xa đưa nửa lòng » Ở đây cũng có thể là chữ <u>thừa</u> chăng?

<u>Và ~~phan~~ lần</u>. Các bản đều lầm ra <u>vài phần</u>, đã sai vần mà lạc ý. Đây nói là liều đã đổ vài lần

441 <u>Vác cuốc</u>. Các bản đều chép chữ đầu ~~thơm~~ không thành hình ~~gồm bộ Tâm, hay Tài gẫy (bản C) và chữ lối~~ và chữ thứ hai ra chữ Gót ~~(bộ Túc và chữ Cốt, theo C)~~ ý chừng kẻ chép đã hiểu đó là ~~Trối gót~~, ~~hoặc~~ <u>dời gót</u>, nghĩa là nện gót ~~xuống~~ trong khi đi. Theo ý thì ta hiểu rằng hai vế 441 và 442 muốn dẫn tích hai người say rượu có tiếng đời xưa. Nhất là vế 442 trỏ rõ chuyện ~~thác~~ Lý Bạch uống rượu trên sông Thái-thạch nhảy xuống sông để vớt bóng trăng nên chết đuối. Lại xét vế 448, ta thấy đúng tích hai người say rượu: Lý Bạch và Lưu Linh. ~~Đại~~ ấy khiến ta nghĩ rằng vế 441 chắc ngụ đến Lưu Linh.

VII. RƯỢU SAY MẤT VỢ

1. Chồng nghiện rượu

429 Lần lần, năm đã kể ba.
Hạnh* đâm độ thắm, liễu và ~~ph~~ phai son.
431 Duyên ai, tình* đã vuông tròn;
Nào hay nợ trước chút còn dở-dang.
10b
433 Trần-sinh,* từ tiết gặp nàng,
Vui say mê-mải, nay càng quá xưa.
435 Một ngày say mấy canh thừa.
Ngán dần, nàng mới ngỏ? đưa ít nhiều.
437 – Rằng: « Xin gửi một hai điều:
" Thân trăm năm nỡ bỏ liều thế ư?
439 " Thiếu chi những chuyện ngày xưa.
" Còn bia để đó tảo*-tổ chưa mòn.
441 " Ấy ai vác cuốc* bên non?
" Bóng trăng thái-thạch* là hồn ai say?
443 " Vì* còn nhầm trước chưa hay,
" Thì đem gương ấy sau này mà soi. »

2. Ruồng-dẫy vợ

445 Ngán thay, khuyên-dỗ đến lời*,
Nước kia dội đá, có mùi* chi đâu! gì
447 Thôi ngày lọn, lại đêm thâu,
Bốc chuông* Lý Bạch,* nghiêng bầu Lưu Linh.*

Lưu Linh người đời Tấn, thích uống rượu. Thường cỡi xe hươu, mang bầu rượu ngao-du trên núi. Sai người mang cuốc theo và dặn nếu mình say chết, thì chôn xác. Nhờ chuyện ấy, và dựa theo tự-dạng, ta đoán chắc được hai chữ vác (~~bộ Tài gậy~~ + chữ Bác là rõng viết tắt) cuốc (bộ Kim và chữ Cúc, hay Cục)

博 = 搏 < 㩥 鞠 = 鋦 < 踘

447 Lọn ~~Bản~~ Các bản AB viết chữ không thành hình, mà bản C chưa ra vẩn. Nhưng chữ ấy cũng có-thể từ chữ Luân (đọc lọn) mà lầm ra. «Ngày lọn đêm thâu» là thành-ngữ hay được dùng 倫 < 掄 và 論

Thâu. Các bản đều lầm ra chữ Luân (là bánh-xe) vì tự-dạng.

輸 < 輪.

453. Vả. Các bản đều viết chữ Thả, là vả. Chắc đó là vả. (xem 370)

454 Dứt. Các bản viết chữ ~~gồm bộ Tài gậy và chữ Tất~~, thường đọc dắt hay dứt 㩫

455 Xé. A, B viết không thành chữ. C chưa ra chữ mà ta ~~đoán~~ nhận ra xé. (chữ Xí) 熾, 幟 < 撠 < 擨

459 Trót. Các bản đều viết ~~lầm chữ~~ Tối ~~(bộ Thạch và chữ Tốt)~~ Chắc đó là chữ Trót ~~(hoặc bộ Khẩu và chữ Tốt, hoặc bộ Tâm và chữ Tốt)~~ 啐 < 碎. ~~(tự dạng)~~ mà lầm ra, vì tự-dạng

460 Xuôi lòng. Chữ nôm viết Xuy, đọc xui hay là xuôi. Đây chắc đọc «xuôi lòng», nghĩa là đừng thắc-mắc, đừng hờn giận nữa. 吹

462. Vật-vờ. Các bản đều viết ~~chữ~~ vẩn-vơ. Chữ Vẩn gồm bộ thủy và chữ Vật. Có lẽ đó là Vật-vờ, nghĩa là không định thần, không tỉnh-táo. 勿 < 汾 鴇 < 鴻

466. Vóc. chữ nôm đọc vộc, hay bọc. Đối với nước thì đọc «vốc» mới đúng

468. Nắm. Các bản đều viết Nên ~~(chữ Niên và chữ Thành bên phải)~~ gồm bên trái Nhưng chữ ấy không hợp ý. Tôi đoán đó là chữ nắm ~~(gồm chữ Niên bên trái và chữ Nam bên phải)~~. «Nắm» ~~trỏ~~ ý một năm. ~~Đây~~ Các vế 467, 468 ngụ ý chuyện Khiên-ngưu và Chức-nữ bị đày ở hai bên sông Ngân-hà, một năm chỉ được gặp nhau một lần vào mùa thu (mồng 7 tháng 7). 䄵 < 𢆥

Ma men* quanh-quất bên mình,
Cho đàn lặng* phím, cho bình lạt hương.
Mãi-mê say tình tâm-trường.
Liệu bài, nàng lại tìm đường van-lơn.
Trái tai, vả lại ngứa gan;
Dang tay nở dứt hoa tàn tả-tơi.
Bài đồng[2] *xé hẳn làm đôi,
Cánh bèo theo ngọn nước trôi cùng dầu.
11a Nàng càng tấm-tạ tuôn châu,
Ngán nhân-tình khéo ra mầu thắm phai.
Rằng: « Tôi trót đã quá lời,
» Xuôi lòng nghĩ lại một hai, kẻo mà! »

3. Vợ biến thân.

Sinh đang vui chén la-đà,
Vật-vờ tính quỉ, hồn ma, biết gì.
Nói thôi nói, cũng tri-tri*,
Ngả ra tiếng nặng, gieo về giọng say.
Nàng rằng: « Duyên ở bấy nay,
» Thương ôi, nước đổ vốc đầy được đâu!
» Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu*
» Duềnh thu, năm để qua cầu mấy phen?
» Sá chi nữa, cái hoa hèn!
» Nghĩ làm chi nữa cái duyên cũ-càng!

472. Chốn vàng. Các bản đều viết tuồn vàng; thành (Đó có lẽ là) vô-nghĩa. ~~Chữ Tuồn gồm bộ Thủy và chữ Tôn là cháu.~~ Chữ Chốn gồm ~~bộ Thổ và chữ Tôn. Nhưng thường hay viết chữ Tôn là kính trọng.~~ Theo ý vế này thì « đầy ngọc ~~thốn~~ vàng » mới đúng; nghĩa là ruồng bỏ vật quí. (土+孫) = 墫 < (氵+孫)

473 Cầm bằng. Bản A sai ra « bổng bưng », sai vì tự-dạng. Xét ~~bản~~ bản A, ta thấy tờ 11 (từ vế 457 đến vế 504) đã khác lại, theo một bản cũ xấu, hoặc mất chữ, hoặc sai chữ (vì bản A bỏ tổng ba chữ và khác sai nhiều chữ ở tờ này) 扲憑 < 捧馮

A sai

474 Sợi hồng. Bản A sai ra hồng hồng, vì tự-dạng (糸+丰) < 紅

475 Tếch thẳng. Các bản đều chép Đứng lại; sai với ý cả đoạn này. Nguyên-truyện chép rằng Giang-Kiều biến mất. Các vế sau trong ~~điển~~-chuyện nôm cũng tỏ rõ ý ấy. Tôi xét tự-dạng, thấy hai chữ Đứng và Tếch gần nhau, ~~đứng~~ ~~đều gồm bộ Túc, chữ Đứng có chữ Đẳng, chữ Tếch có chữ Tích, mà chữ Đẳng viết tắt và chữ Tích gần giống nhau.~~ Tôi đoán rằng kẻ khắc, hoặc kẻ sao chép đã lầm Tếch ra Đứng, cho nên đã chữa chữ sau ra Lại cho ăn ý. Chữ thứ hai ấy là gì? Tôi lấy ý mà đoán rằng đó là chữ ~~lại~~ thẳng: 踖(足+尚) < 跱吏

477. Còn. Bản A để trống chỗ này

480 Chẳng. Bản A lầm ra chữ Sản ~~(mất nét)~~ nhưng bỏ thiếu nét 庒 < 産 (産)

483 Cát Bản A để trống chỗ này

487 Đường hũi. Nguyên các bản chép đêm dài, lầm sai vần. Tôi đoán rằng chắc chữ cuối là Hũi, ~~nghĩa~~ hay Heo, nghĩa là vắng lắm. Kẻ khắc bản A không đọc được, hoặc không đoán được bản cũ, cho nên theo câu Kiều: « Năng rằng quảng vắng đêm trường » mà chữa ra « quảng vắng đêm dài ». Còn như chữ Đêm nguyên là chữ gì? Có thể đó là chữ Đường, tự-dạng hơi giống chữ đêm 塘(啚) < (月+唐)(長+戈)

(一(亠+言).)

471 » Đã lòng ghé thúy*, vô hương,
» Đã lòng dây ngọc, chôn vàng, thì vâng.
473 » Thôi thôi! thôi cũng cầm-bằng*,
» Sợi hồng* phó giả bà Trăng* cho rồi! »
475 Lạy thôi tếch thẳng sân ngoài,
Bên bàn say tỉnh mặc người ngồi trơ.

1 VIII Tìm chẳng thấy

VIII Hối-hận

477 Sinh còn đang cuộc, nào ngờ;
Tỉnh dần-dần lại, bây-giờ biết sao.
479 Biết phương nào, biết chước nào?
Có chăng còn lúc chiêm-bao họa là.
11b
481 Non Thần* mấy dặm đàng xa,
Khói mây man-mác dễ mà nhắn vay!
483 Cát vàng, bụi bạc, xe bay,
Mây tuôn mặt đất, núi xây chân trời.
(bể)
485 Ngất chừng bể thẳm, dềnh khơi,
Đường xa bao-nả* tình dài bấy-nhiêu.
487 Buồn trông quãng vắng, đường hiu.
Gió lay nhẹ lá, ~~sương~~ mưa gieo nặng cành.
489 Buồn trông cửa bể mông-mênh.
Con thuyền thấp-thoáng cuối ghềnh ngổn-ngang.
491 Buồn trông cuối phố Hành-dương
Cánh hồng ~~tăm-rắp~~ ~~phấp-phới~~, hạt sương đầm-đìa.
|thấp-phới.

488 ~~Mưa treo~~. Các bản đều chép sương rơi. Chữ Rơi chắc là đã được bịa ra để hợp vần với Dài, và đã chữa từ chữ mà người ta đã đọc là Gieo (~~hợp~~ vần với Hiu). Theo tôi, thì nguyên chữ ấy là Treo (~~Bộ Tài gảy và chữ Liêu~~) mà người ta hay lầm với Gieo (~~Bộ Tài gảy và chữ Chiêu~~). Một chứng là ~~câu~~ Kiều: « Hạt sương treo nặng cành xuân la-đà », mà ~~hầu hết các bản~~ nhiều bản đã đổi ra « Hạt sương gieo nặng... » Còn chữ đứng trên, thì tôi đoán nguyên là chữ Mưa. Tuy ý « sương » cũng đúng, nhưng chắc chắn ~~nó đã~~ sẽ có ở về 492. Tôi nghĩ rằng kẻ viết văn phần lớn rất đúng phép như tác-giả chuyện này không để lặp ý như vậy, nhất là ở đây rất dễ tránh. Có lẽ kẻ chữa nguyên văn đã nghĩ đến về Kiều kia.

霜撩 ‹ 霜。

491 Phố Hành-dương. Các bản đều chép như vậy. Chữ Phố là bờ sông hay là cửa sông. ~~...~~ Hành-dương là tên một địa-điểm ở Hồ-nam ở phía nam dãy núi ~~Ngũ~~ Hành-sơn ngắn ~~miền~~ triền sông Dương-tử và triền sông Tây-giang. Người Tàu xưa tin rằng chim hồng khi nào bay qua núi ấy xuống miền nam thì không trở lại. 浦衡陽

492 ~~Thấp phới~~. Các bản đều chép hai chữ ~~gồm bộ Thủy~~ Tấm và Khấp. ~~Chữ thứ hai~~ Theo ý (xem chú-thích 491), thì có lẽ tác-giả muốn nói ~~a~~ "cánh hồng biệt tăm-tích" chăng? Theo phép triền-đối, thì hai tiếng này là một thành-ngữ như « đầm-đìa » ở dưới. Vậy phải đọc tăm-khấp chăng? hoặc tăm-rập chăng? Không chắc hai thành-ngữ ấy có thật, tôi tạm nghĩ rằng hai chữ kia là do « Thấp-phới » mà lầm ra bởi tự-dạng. Ý là chim hồng đang bay về nam, rồi không trở lại. [illegible] ‹ 沁泣

500 Đông. Bản A ~~Bỏ~~ trống

Trăng. Các bản viết Bóng, hắc sai vì tự dạng. [illegible] ‹ [illegible]

508. Hoa nương.

509. ~~Ấn~~ Xem tranh, tranh vẽ. Các bản đều viết: « Nghĩ riêng riêng đã in ngần » Hai tiếng « in ngần » ở cuối không ăn ý với bốn chữ trên. Chữ In (ấn) có thể bởi chữ Ngưỡng (đọc

493 Buồn trông theo dải Tô-khê.*
Chim kêu bụi rậm, trâu về đồng không.
495 Cảnh buồn như giục tấm lòng
Lại thêm văn-vít mấy vòng tơ vương:
497 « Ấy ai, phải phách chàng Trương*?
" Non Tiên cách ~~…~~ một tấc đường, nên xa.
499 " Hay là lấy số Hằng-nga*?
" Đêm đông vò-võ, trăng tà, sao thưa.*
501 " Nghĩ tình nên những ngẩn-ngơ,
" Ai lên đâng ấy? ai chờ được* ai! »

2. Ôm tiếc ~~Lần lần~~

503 Lần lần trăng tối, gió mai;
Nghĩ sao cho xiết sự đời phôi-pha.
12a 505 " Trêu người chi bấy trăng-già*?
" Xe dây mỏng-manh buộc thừa mà chơi!
507 " Cho nên cách-trở đôi nơi,
" Hoa nương ~~ngàn~~ cửa động, nước xuôi cõi trần. »
509 Xem ~~Nhìn~~ tranh, tranh vẫn in ngần,
Phấn-hồ* còn đó, tinh-thần đã theo.
511 Càng thêm ngao-ngán trăm chiều,
Giấc nào nào thẳng, bữa nào nào ngon.
513 Xác ve một cỗ một mòn,
Tấm gan con nhện, mớ hồn cái quyên.

ngưỡng). ~~Ngưỡng-ngẩn~~ Nếu ~~ta~~ có thành-ngữ ngưỡng-ngẩn, thì ý ấy khá hợp với vế; và ý sẽ là: nghĩ riêng mình, thì mình thẹn, vì đã sa-đà vì rượu. Nhưng ý ấy lại không thông với ý dưới, mà ~~kh~~ ta cũng không chắc có tiếng «ngưỡng-ngẩn». Theo tôi, thì ý vế 510 là trỏ bức họa mỹ-nhân: thuốc tô, hồ dán còn lại, mà tinh-thần mỹ-nhân đã mất theo giang-kiều. Ý ấy, chính trong nguyên-truyện có chép, như vầy: «Sinh lại xem người trong tranh, thì nhan sắc lạnh đạm. Sinh nước mắt rơi như mưa, chết đi sống lại mấy lần. Bỏ ăn, bỏ ngủ hơn tháng.» Ta thấy rằng các vế từ 509 đến 512 là diễn ý của đoạn này. Xem đó thì ta đoán rằng vế 509 nói về bức tranh. Thật vậy, chữ Riêng ~~(gồm chữ Tư bên trái, chữ Trinh bên phải)~~ là bởi chữ Tranh* ~~(gồm bộ Cân ... và chữ Trinh)~~ mà làm ra. Tự-dạng hai chữ Nghĩ và Xem cũng gần nhau. Người khác bản A đã đọc lầm các chữ «Xem Tranh» ~~ra~~ ra «Nghĩ riêng». Vậy ta nên đọc «Xem tranh, tranh đã (?) in-ngẩn». Tôi nghĩ ~~t~~ tiếng «đã» không thông. Có lẽ vốn là chữ Vẫn. Với thoại chữa ra trên, ta thấy ~~th~~ tiếng «In ngẩn» đúng ý. Nghĩa vế 509 là: xem bức tranh vẽ mỹ-nhân, thì vẫn in như trước. Ý ấy rất hợp tứ với vế sau.

拷槙穨奄..
祐幀幀沕

514 Tủi-gan. Các bản đều viết chữ ~~gồm bộ Tâm~~ không thành hình, ~~3 chữ~~ ~~gồm~~ Tủi gan và chữ Thế hoặc Trâm. ~~Đó là~~ chính là bởi chữ Tiềm ~~mà~~ (đọc tủi), 譖 < 憯 mà làm ra.

Quyên. Các bản đều lầm ra chữ Chim (vì tự-dạng) 鵑 < 鳥. làm mất vần. So với chú-thích 180

528 Mới. Các bản đều lầm ra với 買 < 貝

508 Hoa nương. Các bản đều ~~làm~~ viết "hoa ngạn cửa động"; chắc lầm vì tự-dạng hai chữ Nương và Ngạn rất gần. Vế này dịch câu thơ Thiên thai của «Hoa lưu động khẩu ưng trường tại; Thủy đáo nhân-gian định bất hồi» nghĩa là: hoa ở cửa động (vì người tiên) thì chắc ở đó mãi, nước chảy đến nhân-gian (vì người thường bỏ cõi tiên về trần) ~~nhất~~ ~~tất~~ hẳn không trở lên. Tiên Nương, nghĩa là gửi mình ở đâu.

515 Tả lòng, tay thảo mười thiên;*
Mấy câu, mấy chữ: mấy nghìn châu* rơi.

8/ Bạn khuyên-giải

517 Hà-sinh phải buổi* sang chơi.
Xót tình khế-khoát*, liền bài giải-khuyên:
519 « Chắc đâu rằng quỉ, rằng tiên?
» Một may, một rủi, thôi phiền-não chi!
521 » Dù tiền, duyên đã mãn kì;*
» Chờ cho duyên hợp, châu về* còn sai.
523 » Hãy xin gượng lấy làm tươi.
» Gánh sầu trút cả cho người, phải nao?
525 » Họa là* khi đến thế nào;
» Mà cho mắt tục* trông vào, sao nên! »
527 — Rằng: « Xưa trót đã nặng nguyền.
» Phải đem vàng đá mà đền mới xuôi.
12B
529 » Thà mặc* chịu thế-gian cười,
» Hơn rằng cam phụ với người tri-tâm.*
531 » Duyên xưa âu* chẳng xe nhầm.
» Bao-giờ kéo hết tơ tằm mà hay.
533 » Công đâu nghĩ mượn, lo vay!
» Dẫu mòn bia đá, khôn lay tấc lòng. »
535 Xem chiều nói cũng như không,
Hụi [illegible] Hà-sinh ra ý sượng-sùng cáo lui.

540 ~~Lai~~-sinh. Các bản đều làm ra chữ Vệ, theo tự-dạng thì hoặc đó bởi chữ Hậu là sau ~~mà sai ra (vì bộ Xích ở phía trái~~) hoặc bởi chữ Lai là sau mà sai ra (~~chữ Vệ viết tháo bằng chữ Mễ và hai chân hai bên~~). Hậu-sinh
後 < 衛 來 < 衛 nghĩa là con cháu, còn
Lai-sinh là ~~đời~~ kiếp sau. Đây là ý ấy. Hai vế 539-540 ý là quyết tự-tử để lên cõi tiên tìm nàng và hẹn kiếp sau sẽ lấy nhau.

Chong

551 x Bản A ~~viết~~ khác ~~các chữ~~ mất nét các chữ Mắt, Người. Còn chữ Chong thì chép với bộ Nữ, các bản B.C chữa ~~ra~~ ra Chung là hết. Đây là chữ Chong (~~gồm bộ Hỏa và chữ Đông~~) tức nghĩa là để sáng lâu (chong đèn). Đây là trường mắt lâu.

4 Định quyên-sinh

537 Khách đà về chốn Tây-trai*;
Một mình một bóng đứng ngồi sao yên
539 Quyết tìm khắp ~~chơi~~ non Tiên*, nước
Đem duyên giai-lão đính nguyền ~~bạc~~ tái-sinh*.
541 Dải là* rủ sẵn bên mình,
Cũng liều trắng nợ phong-tình* thử xem.

~~VIII~~ IX. TÁI HỢP

1 Vợ tái-hiện

543 Gió hương đâu bỗng lay rèm,
Trăng hoa* đâu bỗng trước thềm tả-tơi.
545 Đang khi rằng một rằng hai,*
Sịch* hai, nàng đã tới nơi bao-giờ.
547 Mắt trông mặt, hãy* ngẩn-ngơ,
Nào hay đã tỉnh, còn ngờ rằng mê:
549 « May sao, may khéo đi về!
» Chậm chân đình* nữa, còn gì là ai. »

2 Tự-tình ~~Mắt xch~~
551 Mắt nhìn chồng* cả con người
Bên lòng mừng tủi, bên lời hợp tan.

火 㴃 < 氷庄

554. Thiếu đâu. Theo B và C. Còn A chép các chữ hình như Thuỷ chăng. Có lẽ là « thiếu chăng ». Như thế thì vô nghĩa và sai vần với các vế dưới. Ta có thể nghĩ rằng đó là hai chữ « Chăng-văng » mà viết ngược. « Chăng-văng » nghĩa là chạy vạy luống ~~vắng người ta~~. Nhưng vần vẫn sai, mà ta cũng không thể đổi các vần ở các vế sau cho hợp.

561. Dây. Các bản đều viết như thế, làm cho hai vế liền nhau trùng vần. Tôi nghĩ rằng tác giả chưa chắc ~~đây~~ đã sơ ý đến thế; nhưng cũng không thấy có thoại khác hợp hơn.

564. Nguội tình. Các bản đều viết Khối tình, nhưng không ăn ý. Chữ « Khối » chắc là chữ Nguội* mà lầm ra vì tự dạng. Nhưng « nguội tình » thì mặn hơn vì nó thích nghi với ý « lò hương » hơn. Chữ hiếm vì, thường chữ Nguội viết với bộ Hoả và chữ Ngoại khác với chữ Nguội (chữ Côi) nhiều

熃 㦡 < 塊
炌 e

567. Quen. Chữ nôm gồm bộ Tâm và chữ Quyên, thường đọc quen, nhưng cũng thường lẫn với chữ quên.* Ở đây đọc « quên » cũng có lí. Nhưng chắc nguyên ý là « quen »

571. Mách. Bản A bỏ mất nét, thành chữ Kiến

覔 < 見

574. Dành. Bản A lầm ra chữ Vội (Bởi gần tự dạng chữ Đình)

停 < 倍

13a Sinh rằng: « Từ vắng phương-nhan,*
" Lòng theo trăng bể, mây ngàn thiếu đâu.
" Quản bao bể rộng, sông sâu.
" Đã toan quên cả cái câu tử sinh.*
" Dám đâu riêng phụ với tình.
" Dưới vàng có đất, trên xanh có trời.
" Bở chi những sự đã rồi,
" Sắt son ghi-tạc một lời từ đây »
— Thưa rằng: « Cầm đã bén dây,
" Có tri-âm* đó, cuốn dây sao đành.
" Cũng công hương hoả ba sinh,*
" Lò hương dám để nguội tình bấy sao? »

3 Sinh trai

Đinh-ninh gắn vó[b] tất-giao*,
Trước sau nối gót, trường đào song song.
Vườn xuân, hoa đã quen ong,
Từng xa-xôi lắm, lại nồng-nàn thêm.
Mấy thu, gối ấm chăn êm,
Cửa gài then nghĩa, phòng niêm khoá tình.*
Trên đào vừa mách tin oanh:
Gốc cù* sớm đã lỗi* cành quế-yên.*
Trần-nhi rơi* chút dấu tiên*,
Một mai danh để rạng nền thi-thư.

576 Mây. A viết không thành chữ

577 Sáp. Các bản viết chữ quẩy tự-dạng rất gần chữ Thạp (cũng có âm sáp) đọc sắp, nghĩa như rắp 揷<插

583

585 Bị xương. Chữ thứ hai thì bản A viết Lữ; còn các bản B.C chữa ra xương. Còn chữ đầu các bản đều viết Lộ. Theo tự-dạng thì có thể đọc Lọc-lừa chăng?, Lọc xương chăng? Nhưng hai thoại đều vô nghĩa. Xét nguyên-truyện chép lời Giáng-kiều, có những câu: « Người đời không biết rằng thân mình là mộng, nhận khối thịt, đẫy da làm thân-thể?... Chẳng biết rằng thích sướng ham vui gì cũng là lò nung (hồng-lô) tiêu mệnh! » Xét chữ Lộc có tự-dạng gần chữ Bị, và so với ý « đẫy da » dùng trỏ thân người một cách khinh-bỉ, tôi đoán đây là hai tiếng « bị xương »

587 Lồng trần. Các bản đều viết như thế; hợp với chữ dùng trong nguyên-truyện, chép lời nàng có « Chẳng hay nghĩ lại để thoát lồng trần »

593. Thôn. Bản A làm ra Lợi [illegible] 村<利

Cỏ-khâu. Các bản đều chép cỏ khâu, ý chừng hiểu nghĩa là cỏ may. Trong Kiều có vế thứ, đọc ra: « Chẳng qua một nắm cỏ khâu ri-ri ». Trước hết, tiếng "cỏ khâu" hình như tiếng ta không có. Sau nữa, các vế 593-596 này là do thán-văn trong nguyên-truyện dịch ra. Câu Hán-văn là: « Nhạn tiền lộ-các, vân-đài, tích tráng-lệ, kim hoàn giả-vật. Cảnh ngoại Đồng-sơn kim-huyệt, thủy đinh-dư, chung điệc cổ-khâu », nghĩa là: « Trước mắt, đài mây gác khói, xưa tráng-lệ, nay hoá ma. Ngoài vùng, non bạc lỗ vàng, trước đầy thừa, sau thành nấm-cũ ». Hai chữ « cổ khâu » có trong nguyên-văn. Vậy chắc đây thoại ấy đúng.

583 Cỡ. Theo B.C. Còn A viết chữ có thể đoán là chữ Cỡ hay là chữ

IX · LÊN TIÊN

1 Vợ khuyên bỏ công-danh

575 Sinh càng chăm-chút sớm trưa.
Cá mong nhảy sóng, rồng chờ xông mây.
13b 577 Đường trời, vừa sắp cánh bay,
Thong-dong nàng lại dãi-bày một hai.
579 Rằng: « Coi cho thấu sự đời,
» Giam* danh, khóa lợi, mấy người thế-gian!
581 » Trời thu mây họp, mây tan,
» Ngày xuân, hoa nở, hoa tàn mấy lăm.
583 » Cỗ trong tám chín mươi năm,
» Bóng câu cửa sổ, dễ cầm mãi ru!
585 » Bị xương gửi áng Biêm-phù*,
» Sinh sinh, hóa hóa trong lò Hồng-quân*
587 » Độ ai vượt khổ lồng trần*,
» Mê sông, chìm bể, thế-nhân đã đầy.
589 » Anh-hùng những mặt xưa nay,
» Trăm năm nát với cỏ cây cũng là.
591 » Lần-lần tháng lọn, ngày qua,
» Má hồng mấy phút, đã ra bạc đầu.
593 » Thôn hoang, mấy nấm cổ-khâu*,
» Kìa nền Đồng-tước*, hay lầu Nhạc-dương*?
595 » Chưa đầy một cuộc tang-thương,
» Non đồng đã lở, núi vàng cũng nghiêng.

目且 > 目巨
> 尾且

vả. Hai thoại đều có nghĩa. Thoại cỗi có lẽ thông hơn. Đây muốn nói đời người chỉ có chừng trong tám chín mươi năm thôi, đúng như trong Hải-văn nguyễn-truyện.

697. Non thiêng. Các bản đều viết non tiên, làm cho lạc vần, hay là ép vần (vần của giọng nói Đàng Trong). Tôi chắc đó là Non Thiêng, tiếng dịch chữ Hán «Linh-sơn». ~~Trong~~ Các nhà đạo-sĩ gọi núi Bồng-lai là Linh-sơn (xem Tú-Nguyên dẫn lời chú của La Hưởng)

601 Khuyết. Bản A lầm ra chữ Quan, là cửa lớn đi thông hai nước.
闕 < 關

(không thành hình)

611 Con gươm. Theo bản B. Các bản A và C viết chữ ~~gồm bộ Mã và chữ Phu là chống. Tôi không đoán được chữ gì.~~ Ý ~~hai~~ vế 611 ~~và 612~~ là: "Ta trót đã định chí đem tài ~~văng vô~~ năng giúp đời!" Vậy «Túi sách con gươm» trỏ tài văn võ. Nhưng người ta thường nói «con dao» và «thanh gươm». Vì vậy, tôi còn hồ-nghi chữ «gươm».

618 Hãy. Các bản đều viết «ai...ai..» làm cho vế này không
唉 < 埃 thông tứ với các vế trên dưới. Tôi đoán các chữ Ai là chữ Hãy mà lầm ra vì tự-dạng

雀 > 鶴 Hạc. Các bản đều lầm ra chữ Tước là chim sẻ. Chữ này ~~và chữ Hạc viết tắt gần giống nhau~~

~~Hải~~ Hạc Viên 宗轍：南方園鄉黨，謫居侶。。。
陸游：宦遊本非志，寄謝。共鶴
Viên Hạc 宋史．石楊休傳：喜閒放平居，養。。。，玩圖書吟詠自適，與家人言未嘗及朝廷事
徐鶴友：朱子詩 千岩。。。，然絶棹歌声

597 " Sao bằng ngày tháng non Thiêng,*
" Vui chung tám cõi, xuân riêng bốn mùa.
599 " Dọc ngang bốn bể, Nam-hồ,*
" Khắp trong Ba-đình,* Chu-chu* mặc dầu!
14a 601 " Ra vào Kim-Khuyết,* quỳnh-lâu,*
" Treo tranh yên-thủy,* giắt bầu càn-khôn.*
603 " Đi về tuyết-điếm,* hoa-thôn.
" Thông reo* nhịp phách, suối tuôn ngón đàn.
605 " Một ngày ~~một~~ trong thú thanh-nhàn,
hị " Mấy trăm muôn cảnh nhân-hoàn* dọ sao!
607 " Khuyên chàng sớm nghĩ lấy nao.
" Gà lồng, hạc nội*, bên nào là hơn? »
集 609 Mảnh riêng,* sinh những bàn-hoàn.* K 712
Tuy say cõi Tỉnh*, chưa tan lòng phàm:
611 — « Trót xưa túi sách, con gươm.
" Vì ta Sào Hứa, ai làm Y Chu? »
613 — Thưa rằng: « Đã tiếng trượng-phu,
" Sự đời vinh nhục, chi cho bận lòng.
615 " Vì tham nghìn tứ, muôn chung,
" Con chim bay mãi, cũng trong khuôn trời.
617 " Làm chi cho bạn tiên cười.
" Hãy vui viên-hạc, hãy vui yên-hà

625 Trên-đạo (Đạo-giáo). ~~Nguyên~~ Các bản đều chép Đạo phật, nhưng sai ý. Đây là Đạo Trên, hoặc Đạo-giáo.

621 Trên nhân « Nhân (chữ) là cái gốc, cái nguồn của những sự xảy ra.

凍白：韓偓雪梅詩：«凍白雪為伴，寒香風是媒，

黄白：神仙傳：淮南王作中篇言：«神仙黄白之事，
名為鴻宝。(又)老子黄白色，美眉廣顙……

風俗通：淮南王安招募方技怪迂之人，述神仙黄白之事

Từ nguyên 道士燒煉丹藥化為黄金白銀
謂之黄白之術

619 "Vẩn-vơ trong áng phồn-hoa*.
"Ba mươi sáu động*, ai là chủ-nhân?»

2 Vợ trao phép Tiên

621 Tinh nghe, tỉnh chuyện tiền-nhân*,
Rửa dần bụi tục, tỏ dần lối tiên.
623 – Rằng: « Xưa Hoàng-đế, Yên-kì*,
"Nào phương thoát-hoá, tu-trì sao đây? »
625 – Nàng rằng: « ~~Đạo Phật~~ Đạo ~~Tiên đạo~~ giáo nhiệm thay!
" Kiều-Bùng* xưa cũng thế này, chớ sao.
627 "Và chăng dư bực phong-tao*,
"Mà trong lá số Thiên-tào* có tên.
629 "Học sao cho hết chân-truyền*,
"Tu sao cho hết tinh-huyền* thì tu.»
631 Tay trao một đạo tiên-phù*
Một phương hoả-táo*, một lò kim-đan*.

633 Đường tu sẵn thú khảo-bàn,
Rượu sen sánh giọng, trà lan thơm lòng.
635 Lần thâu gió liễu, trăng đồng*.
Xương phàm như chắp cánh lông nhẹ-nhàng.

3 Vợ hồng lên Tiên

637 Đang khi đóng trắng điểm vàng*,
Tỉnh say Vương-mẫu*, mơ-màng Lão-quân*.

642 <u>Trân</u>. Các bản đều lầm ra Chân (vì âm đọc giọng đàng ngoài)

珍 < 真

<u>Nơi</u>. Bản A lầm ra chữ Đi, vì tự dạng. «Nơi» nghĩa là theo. Đọc

跢 < 趍 ra <u>nối</u> thì lầm.

645 <u>Trổ</u>. Chữ nôm gồm ~~bộ Tài gảy và chữ Tổ (mũi tổ)~~, đọc <u>trở</u> hay <u>trổ</u>.
«Trổ đường» là một ~~tiếng~~ thành-ngữ, nghĩa là xuyên qua làm thành đường.

648. <u>Mạt đạ</u>. Bản A viết chữ Mạt, còn các bản B et C viết chữ giống chữ Vĩnh. Không rõ đó là chữ Mạt đọc <u>mặt</u>, hay là chữ <u>cầu</u>?

末 < 末 永 > 求

<u>Trời thành</u>. Các bản đều viết như thế, ~~có~~ có thể đó là Thiên-thành, thành-ngữ quen dùng hơn, nghĩa là tự-nhiên có. ~~Vế này~~ ~~có lẽ nói~~ ~~hơi~~ Chắc đã mất đoạn cuối chuyện, cho nên vế này không rõ ý. Có lẽ ý là ~~tả~~ vợ chồng lên Tiên, hiện ra ngao-du các nơi thắng cảnh ở trần-gian

639 Mây đâu năm thức tần-vần,
Hạc đâu đôi chiếc trước sân đợi người.
641 Ra tay cưỡi hạc, cả cười,
Dặn Trần-nhi lại, nói lời ~~ước~~ thề xưa:
643 « Còn kỳ dậy sấm, tuôn mưa,
" Rồng mây gặp-~~hội~~ gỡ, bây-giờ sẽ hay. »
645 Dặn rồi, thẳng trỗ dường mây;
Trông theo ~~mây~~ cánh hạc về tây tuyệt vời.
647 Bồng-lai riêng một bầu trời,
Màn hoa, mặt đá mấy ngôi trời thanh.

張碩 . 搜神記：漢时有杜蘭香者……以建業
四年数詣張碩言：本為君作妻 情无曠遠 以
年命未合. 其小乖 太歲東方卯 當还求君
墉城仙錄：杜蘭香者. 有漁父於湘江之
岸見而養之。十餘歲 灵顏姝瑩，忽有青童
下攜女去；其後降於洞庭包山張碩家

Mục-lục

I. Nhập đề	8 vế	~~1-8~~	1-8
II Đời nho-sĩ	62 vế		9-70
1. Cảnh Bích-câu		9-16	
2. Dựng nhà học		17-34	
3 Vận nhà suy		35-50	
4 ~~Nên danh sĩ~~ Nợ nần bạc tài hoa		51-70	
III Gặp tiên-nữ	90 vế		71-160
1 Hội chùa Ngọc-hồ		71-82	
2 Bắt thơ thần		83-90	
3 Gặp ~~mỹ-nữ~~ ~~cô gái đẹp~~		91-108	
4 Ướm tình		109-142	
5 Mỹ-nữ biến hình		143-160	
IV Tương-tư nhớ người tiên	112 vế		161-272
1 Ốm tương-tư		161-190	
2 Mách bạn		191-218	
3 Bạn an-ủi		219-256	
4 Gượng khuây		257-272	
V Bạn với tranh	56 vế		273-328
1 Cầu mộng		273-284	
2 Gặp tranh mĩ-nữ		285-302	
3 Bạn với tranh		303-310	
4 Xui cảm tranh		311-328	

VI	Tiên-hôn	100 vế		329 - 428
	1. Mĩ-nữ hiện-hình		329 - 342	
	2 Đính-hôn		343 - 374	
	3 Bạn tiễn mừng		375 - 402	
	4. Kết-hôn		403 - 416	
	5. Hoà-hợp		417 - 428	
VII	Rượu say mất vợ	38 vế		429 - 476
	1 Nghiện rượu		429 - 444	
	2. Ruồng-dẫy vợ	Ruồng-rẫy	445 - 460	
	3. Vợ biến thân		461 - 476	
VIII	Hối-hận	66 vế		477 - 542
	1 Tìm chẳng thấy		477 - 502	
	2 Ôm tiếc		503 - 516	
	3 Bạn khuyên-giải		517 - 536	
	4 Định quyên sinh		537 - 542	
IX.	Tái hợp	32 vế		543 - 574
	1 Vợ tái-hiện		543 - 450	
	2 Tự-tình		451 - 564	
	3 Sinh trai		565 - 574	
X	Lên tiên	74 vế		575 - 648
	1 Vợ khuyên bỏ công danh		575 - 620	
	2 Vợ trao phép tiên		621 - 636	
	3 Vợ chồng lên tiên		637 - 648	

.

chứng bản P T theo bản sai (ri)

Thời danh 369

Gieo cầu 370

郡

Chữ nôm và chữ nho
hiệu-đính

Dấu A > B : chữ A chữa ra B ; A = B : A có lẽ B

3. 睐 — 19. 茹 > 恕；椿 > 椿 — 25 攘 > 揉 — 27. 盧 > 拍

27 盧 < 虛

29 流埒；流叟 — 36. 芳，蔴摝 > 蔙 — 40. 光 = 光 — 44 律；

38 懵 鬅

爈 > 櫓 — 45. 朝 潮 — 48. 旦 > 曰 = 疸；根 > 痕 — 80

50 癰 > 瘻，癰 — 58 貝 > 買 — 61 越 > 越，哦 — 62. 俄

65. 捏 — 73. 小 > 孑 — 75 踱 — 80 壇 > 壇 — 84

113. 遖 (A) > 遮 (B,C)

退 — 96. 涛 > 祷 — 97. 湟 > 瑝 — 119 閙 > 閙，秥 (B,C)

130 疊 (A) 疊 (C) > 疊 (B)
161 騰 (A) > 騰 (B,C)
169 拈 (A,B) > 拈 (C)

121 低 (A) > 祇 (B,C) — 130. 鴬 > 鴬 — 131. 鍾 (A) > 喠 (B,C) — 165. 絰 > 紝

176 磙 > 揼 — 180. 鶻 > 鴖 — 200. 塔 = 恰 — 202. 溂 > 溂，

197 咋 (A,B) > 咋 (C)

陝 — 204. 僂 = 僂 > 鏤 — 212. 絆 (A) > 紆 (B,C)，紝 — 214. 森 > 林 —

221. 如 > 妃，姫 — 225. 花 > 侍 — 228. 忤 > 咔，忻 — 224. 困 > 因

255. 郎 > 迦 — 256. 時 > 詩 — 258. 組 > 絪 — 273. 鄭 > 擲 —

277 烼 (A)，烼 (B,C) > 烼 — 280. 鎊 > 榜 — 299. 淡 — 312. 墳 > 攢 — 313. 心 > 忯心

287 遺 (A,B) > 遣
310 膚 (A,B) > 膚

321 桃 = 絩 — 336. 料 > 姅 — 342. 仕 — 350. 珠 > 姝 —

358. 吠 (A,B) > 叭 (C)，旺 — 360. 沕 — 363. 燕 > 崔 — 365. 捄 > 梭；

375 捽 (A,B) > 捽
378 戕 (A,B) > 戕 (C)

拱 搊 > 守 — 370. 且 > 屈 — 390. 捯 > 对 — 391 閒 湖 > 霸 —

401. 攔 > 攔 — 403 攔 > 轔 — 405. 笑 (A,B) > 笠 (C) — 420 酾 > 酾；

护 (招) > 軲 — 421. 雷 (A,B) 雷 (C) > 雪 — 422. 醾 > 寨 — 430 桒 > 桒 —

441. 悚 蹋 > 抖 鐲 — 447. 挒 > 粈，倫；輪 > 輸 —

454. 捲 // — 455. 摵 (A,B)，熾 (C) > 熾 — 459. 碎 > 啐 — 460 吹 —

462 沕 溈 > 勿 為 — 468. 鉞 > 鈰 — 472. 淥 > 埭 = 壿 —

479 産(A)>産(B)>座(C)

519 哦(A)>哦

570 鎖(A)>鎖(BC)

585 祓>祓

585 昌(A)>昌(BC)

586 湛>炏

600 黙>黙

473. 捧(A)馮>拎憑(BC) —474 紅(A)>紅(BC) — 475. 踌吏>踖尚 —
487. 店錢>唐嚚 —488 霜椕>霜擦 — 491. 浦
492. 沁泣>法泒 —500. 腠(A)>腠(?) — 509. 拷稹穎笹>袺
幘幘沕 — 514 撍>譖；鴆>鷊 —528. 貝>買 —540 術>來，後 —551 妗(A)，終(BC)>炵 —554. 𤆬(A)>氺庄(A)>𤆬 火兒(B,C)
—564 塊>愧(炦) —567 悁，埍 —571 見(A)<覓(BC) —574
倍(A)>停(B,C) —576 逕(A)>遝(B,C) —577 捸>捙 —583 眀(A)>眶，(B,C)麠 —
601 闗(A)>闗(B,C) — 611 駃(A,C)>鎌 618 娭>唉；雈>鸖 —
644 真>珍；㲁(A)>踆 — 645. 撸 — 648 朿(C)朿(B)>朿(A).
忝>天

96 袥 < 裙　⿰衤弄 < ⿰氵弄　緗 < 湘

ái-ân 328

ân mây 265

× áng chay tăng 71

— phồn-hoa 617

ao nghiên 59

— tù 50

ấm 19

ấp cây 292

°âu 531

ba đình chín chu 600

— mười sáu động 620

— sinh 351, 135

bà trăng 474

(đền) Bạch-mã 274

(điệu) bài 452, 518

°bàn-hoàn 609

— vây 422

bạn loan 404

— mai 427

°bao-má 486

bát-trân 330

bắc cầu 142

bầu 10

bầu càn-khôn 602
— Nhan 42
— tiên 420
— trời 647
bén dây 417
bể ái 410
— khổ 54
— sắc 118
— thánh 34
bến Thiền 126
bệnh-căn 207
bếp trời 333
Bích-câu 9
bình (phong) 422
bóng câu 584
— dâu 37
(cội) Bồ-đề 127
° bồ-liễu 347
bốc-tiềm 273
bốn bạn 33
— bể năm hồ 599
— thềm 28
Bồng-lai 647
Bùi, Trường 6

bụi tục 622
buồm ngự 409
bữa thường 194
bừng 200
cả 110
cánh - cánh 163
cánh hồng 156
 - mây 342
cao - tằng 137
cát vàng bụi bạc 483
căn - nguyên 219
cằn 50
cẩn 586
cầm - bằng 473
 - bén dây 417, 561
cẩm - trướng 404
cầu Đông 284
Cầu - hoàng 169
cầu Lam 139
 - Ô 284
 - tử - sinh 556
có - mùi 446
cõi Ba - nghìn 31
 - Tây 4
 - tĩnh 610

con-người 551
cố-hữu 398
– nhân 197
cổ-khâu 593
Côn-ngọc 97 *
công-tử 18
cơ-duyên 3
cỗ 513, 583
cơm giỏ nước bầu 55
cung Châu 385
cùng-thông 53
cửa Không 114
– Trình 22
chác 197, 253
chái 275, 303
– Tây 367
chán chiều 293
chày sương 139
chăn cù 278
chân-truyền 629
chất tầng 30
châu..gấm 65
– 516, 457
– về 522

chén đồng 407
— hà 378
Chi-viên 121
chỉ hồng 56
chỉ — 223
° chiếu 535
chim xanh 370
Chú chu
chong 551
° chồn 318
chúa Đông 326
— Xuân 356
chuốc 420
chum 25*
chuông 448
— kềnh 176
chung.
° dã-dề 182
dải niềm 274
— nguyệt 390
dải đồng 455
— là 541
dàn 389
dào 410
dấu 230
° — 14, 49
— tiền 573

° dầu 456
– mặc 53
dậy sấm trộn mưa 643
– tiếng 62
dễ 178
(áng) Diêm-phù 585
diễm-dà 96
° dìu-dặt 407
dòng Tương 178
dồn-dồn 95
° duềnh 248, 250
– Câu 88
– khơi 485
– Nhâm 69
– thu 468
duyên 141
~~đứt 454~~
° đài Dương 7
đạm thanh 299
đàn tranh 167
đánh-tiếng 343
đào non 414
– thơ 352
Đạo-giáo 625
Pháp

đầy khê 73
đèn Tề 120
– thông 162
đến lời 445
điểm mê 238
– nguyệt 176
° đinh-ninh 204, 565
đỉnh 550
° đoạn-trường 177
đong-đưa 399
đóng trắng điểm vàng 637
ngô ° (cây) đồng 36
đồng-ấu 22
– song 191
Đồng-tước 594
động Bích 158
– Đào 409
đơm 36*
đường hoa 296
– trời 577

én bắc nhàn nam
gà lồng hạc nội 608
gác Đằng 243

gan vượn 514
gậy linh 137
ghế 188
— thuỷ vỗ hưởng, 471
gót - đầu 192
gốc cù 572
gộp lại 126
gối uyên 262

giá bút 59
giai - kì 290
— lão 540
giại 277*
giảm danh khoá lợi 580
gian - truân 51
Giảng - kiều 350
giấc hoè 162, 278
— tiên 164
— thẳng 512
giậm 68
giật - dầu 16
gieo cầu 361
— thoi 365
gió bay 115
— đông 369*
— liễu trăng đồng 635
— trăng 28

o gió xuân 150

giọng tình 131, 174, 379

hạc 640, 641

Hành-đường 491

hạnh 430

hẩy . 547

o (ả) Hằng 187

(chị) — 324

— nga 499

hè 44

o hiu 487

hoa đào ... năm ngoái 269

— mường ... 508

— nhắn 405

Hoá-nhi 2

hoả-tảo 632

họa-đồ 306

hoài-nhân 168

hoàn 92

Hoàng-đế 623

hôm 37

o hồn hoa 285

— quyền 514

hồng-lâu 148
hời 90
— may 45
huyên 38
hương-lửa 245
——— ba sinh 563
hương trời 217

Y, Chu 612
in ngần 509
ỉnh 50
yên-hà 32, 618
Yên-kì 623
(tranh) yên-thuỷ 602
~~yến-sanh~~ 299, 372
— tân 401
— tước 56
iu-iu 286

ken 65
Kì-ngộ nan-cầu 248
——— 5, 247
kiếm tuyền 20
kiều 117

Kiều, Tùng 626
kim-đan 632
— khuyết 601
— ô 78
— tướng 136
K — thẳng 123
— thân 134
khảo-bàn 633
° khắc-giờ 232
° khế-khoát 518
khoá cung trăng 323
khoi 54
° khôn: 118, 178, 200, 208, 534
không dừng 382
không-không 154
khởi 66, 156, 243, 485
khuynh-thành 423
khuôn duyên 244
— trời 618
la-đà 461
lá hồng 84, 223
~~lá (thuyền) 69~~
Lam-điền 68
lai-sinh 540

làm đôi 306
làn xuân 101
làng mây 149
Lão-quân 638
Lâm-tuyền 24, 32
∘ lần. 161
— khăn 380
— thâu 635
lét 105
lê 80
∘ lệ 344
Lí Bạch 448
—, Đỗ 62
liền tay 297
lò hồng-quân 386
lọ 104
— là 283
∘ loan 157
~~lỗi~~ hỏi 572
lọn ... thâu 447
lòng phàm 610
— vàng 210
— thơm 132
lồng trần 537

lửa hương 364
Lưu - linh 448
lưu - loát 29
Lưu - Nguyễn 6

ma - men 449
mã - tích 74
° mạc 302
mạch sầu 54
mải - mê 451
— vui 22
mẫn - kì 521
° mảng 77
mảnh riêng 609
° màu, 193, 292, 458
mày liễu 339
mất tục 526
mặt đá 648
— hoa 339
mây - mưa 8
— trắng 40
mấy lăm 582
mế chiều 97
mê sông 388

mê-tân 133
miệng đào 325
mò kim 250
mõ quyên 176
mọn 119
mối 263, 272
mục 14
mùi trần 52
muộn 358
mưa gió 371
— hoa 14, 305
— mây 388
muồi nguyên 135
nao. - 120, 151, 188, 324, 607
— - 254, 360, 524
° não 39, 102
nát đá tan vàng 366
° nảy 36
nặng nguyền 527
nền thi-thư 574
° nện sương 176
~~nơi 642~~
non ngọc 152
— Tiên 108, 498, 539

non Thần 160, 481
— thiêng 597
— xanh 40
nỗi nàng 163
— riêng 182
~~núi xẫy 484~~
nửa song 28
nước bẩu: x. cơm giỏ. 55
— bèo 141, 229
miếng 510
ngàn Giác 114
— sương 312
— thông 13, 155
ngắm 3
ngẫn 198
(ngất chừng 485
ngất 40
Ngâu 467
nghe 196, 325
nghé 145
nghê-thường 400
nghiêng nước nghiêng thành 603
nghìn tứ muôn chung 615
— xưa 215
ngọc giải-phiền 304
— giao 172

Ngọc-hồ 71, 225
ngón đàn 604
ngọng 281
° (cành) ngô 277
(lá) — 312
ngồi 358
nguyền 540
ngự 229
người trong sách 67
nhà lan 427
Nhạc-đường 594
nhảy sóng 576
nhắn cá gửi chim 249
nhắp: uống 173
— : ngủ 318
nhân-hoàn 606
nhòng 62
° nhởn-nhơn 339
đừng (nhưng) nhưng rằng 152 199
oanh-yến 283
ổi tai 177
ong bướm 128
ôm cầm 70

phách buôm 27
phải buổi
phàm 140, 238
phất-phu 310
phẩm-bình 60
— tiên 140
phấn hồ 510
phất-pha 146
phím đồng 420
— loan 417
phong 94, 186, 14
— hoa 124, 253
— nguyệt 260
— quang 49
— tao 627
— tình 542
— vị 331
phòng đào 321
phổng 282
phôi-pha 504
(màn) phù-dung 406
phúc lành 19
phún 421
phương-nhan 585

phương-tiện 122
Phượng-thành 61

quán nước 149
Quảng-văn-Đình 145, 800
quần nghê 96
quê 292
quế-yến 572
(nàng) Quỳnh 251
quỳnh-lâm 601
— tương 379
° rà-rà 80
rày 323, 356
rằng một rằng hai 545
rắp 89, 231
(d) rẫy ngọc, chôn vàng 472
rèm tương 408
° rền 604
riêng nửa 32
rồng mây gặp hội 644
rồi 158, 100, 573
rừng Phạn 77
— tao 34
rượu đào 171

sá 126

— chỉ 469

sai 522

sảng - sảng 281

sánh 379

— giọng 634

Sào, Hứa 612

sắc ngọc 210

— sắc 154

sắt son 560

sân tuyết 264

~~sẽ 342~~

si-mê 126

sịch đâu 293, 546

sinh, hoá 584

so dây 420

soa vàng 95

song - 192 (張 s) · 28 Nửa Song · Thư Song

sông hồ 305

sóng đào 105

— tình 118

sổ Thiên-tào

sống ẩn 410

sở-sinh 119

sợi hồng 474

sủng-sao 35
sượng-sùng 336

tả lòng 515
tác-hợp 359
tài-mạo 20
— tử giai-nhân 412
(cửa) tam-quan 91
tang bồng 58
— thương 39, 595
tiền-nhân 621
tao-nhã 425
tăm-rắp () 492
tầm-thường 451
tầm-tã 457
tấm son 362
— thành 120
— thương 313
tân-lang 398
tần-tảo 428
tần-vần 639
tất-giao 565
(chái) tây-hiên 275
Tây-hồ 60

tây-trai 537
° tếch 475
ti-ca 428
tiệc hoa 377
— mồi 172
tiên-ki 221
— phù 631
Tiên-quân 855
— tảo
— tích 60
— xu 350
tiền-duyên 134
— sen 30
tiếng loan 130
tiết 811, 433
tiểu 14
tin oanh 571
tình-huyền 630
— kiều 188
tình-chung 204
tính 431
tổ 85
tóc-tơ 231
(sông) Tô 282
Tô-khê 493

(ả) Tô (Tô-nga) 251, 298
Tôn, Tào 62
tô điểm 348
— sầu 272
— son 415
— tẩm 212
— trăng 354
tu-trì 624
tú-khẩu cẩm-tâm 231
Tú Uyên 18
tuấn-tú 423
túc-trái tiền-nhân 381
túi phong-tao 63
— sách, con gươm 611
tuyệt điểm hoa thôn
tuyệt-vời 646
tư trời 21
Từ-lang 108
tử-các 148
(tươi-tắn 259)
(sông) Tương 314
Tương-Như 170
tương-phùng 224
tưng-bừng 377

tương-tư 166, 184, 202

— -tri 383

tưởng-quang 393

tưởng = 5 nghĩ rằng, nghĩ

209 nhớ.

309 nghĩ

318 nhớ

Thạch-kiều 290

(hội) Thái-hoà 17

Thái-thạch 442

Tháng lọn ngày qua 591

Thanh-tao 395

T — -tiêu 349

thành sầu-khổ 138

— Tây 9

Thảo-am 392

— đường 47

(gánh) thâm-tình 41

thân 354

— liễu 352

— trăm năm 438

thâu 635

thần-kệ 228

thần-mũ 221
then nghĩa khoá-tình 570
thế-nhân 588
thi-hào 61
thị-fi 115
thiên 515
— tài giai-kí 413
thiết-bảng 280
thoát-hoá 624
thoi đưa 35
thôi: 79, 87, 165
309, 375, 463, 475
Thôi Oanh (Oanh) 365
thỏ đào 256
thu-thiên 110
thú Mẫu 77
(chăn) thuý-vũ 406
thuyền Giác 126
— quyên 425
thung-huyên 19, 38
thư-hiên 303
— nhàn 262
(— trai 195
thế tình 112

thú tình 112

thừa - lưa 27

thức (mây) 159, 639

thưởng xuân 75

trã lan 634

tràng hoa 544

trăng bể mây ngàn 554

— già 254, 414, 505

— gió 364

trắng 542

Trần - nhì 573, 642

trần - duyên 424

Trần - sinh 433

trận cười 322

— nhàn 180

trêu người 505

tri - âm 530, 562

— tri 463

trị 411

trót giở 291

trỗ 44

trỗ (đường mây) 645

trời Tây 264

— Thành 648

truyền-thần 298
trừng-lừng 72
(chàng) Trường 497
(bệnh) — sinh 103
trường văn 329
trường đào 566
— hồng 408
trượng-phu 613
ưẩy 337
ừa 24, 245
ườm 110, 143
vã : bả 430
vác cuốc 441
vài bốn 196
vàng cửc 30
— đá 106, 528
vành (hoá-nhi) 2, 424
vay 482
Văn-quân 170
vẫn-thiên 260
vẫn 159, 169
vẩn 360.
vật-vỡ 462
vẫy : vui 360

vén mây 324
Về Tây 646
vỉ-veo 180
viễn-hạc 618
viễn-hoài 263
vinh khô 52
vò hương 471
vóc sương 196
— tàn 372
vợi 159
vòng 204, 328
Vọng-tiên 234
Vô-già 113
vốc 466
vời 108, 279
vết trăng 250
vui-vầy 406
vũ-y 400
vuông tròn 416, 431
vững 78
viễn xuân 190 567
(chàng) Vương 302
Vương-mẫu 638
xa-trần 79
xác ve 513

xanh-xanh 362
xăm-xăm 288
xây 44 486
xẩy : bổng 227
xích-thằng 136
xông mây 577
xống Tương 96
xưa-sau 257
xuồng mai 214
xuồng phẩm 636

tiến-âm sai, hoặc cần xét lại f° 1

83. dựa > tựa 366 fai/tan

87. thôi. ? nôm: 𠲖

127. điều. > đường 483. xa. xe?

256. nở > nảy (𢬣) 539 mước / chốn

271. chùm hay chòm 65: keng chữ

272. giất. "chất" cũng ý ấy, mà tổng quát hơn

102. ponctuation = fẩy sau "người" ; 463 id

~~1a~~ 309, id

~~449 quanh~~ quất / q. ~~quẩn~~? ngấu 570

446 chi/gì. 572 trổi?

622 mê/tiên

2. ai kẻ =

8. cả về

28. id

32. id

34, 36, 38, 40, 109, 59, 68, 94, 98, 103, 112, 134, 142, 16[illegible]
176, 186, 199, 308, 502.

BULAC

645
chính-tả: 5 : kì; 44 trỗ hay trổ; 73. khe hay khê

{274. dãi/giãi. 279 mạo/mão 296 nồi/dồi, 321 id
{390 id, 1578 lầm/nhầm 443

454 dứt/đứt, 472

51, 67, 109, 130, 151
164, 238, 310, 363,
432, 546, 555, 564

nghe 196, 325. tính say 389.
458 (≠ thị fi) 476, 638)

Bản 盛文堂 khắc đẹp theo bản ~~N~~ A

để mấy hơi y như vậy, nét chữ 碧.. 遲 y hai, nhau.

những chữ 錦 thì thay bộ chữ 宙.

[Trong L.O. có quyển này từ năm 1892]

nét chữ khắc chưa mòn ~~nhg~~, nét thanh kỹ sửa

chữ nhỏ hơn ở bản N

Bản Cẩm văn Đường

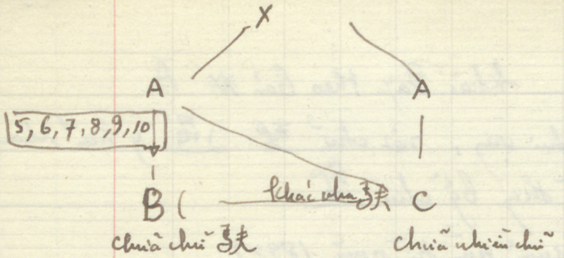
chữ rõ, đẹp, nét sắc

Kết luận AN cũ nhất

B khắc lại ~~ít~~ trang

C A phỏng theo B khắc lại và đổi tên nhà xuất bản

BULAC



A kg cũ 3 ~~4~~, ~~6~~ 7?, 8, 9, 10

kg mới 1, 2, 4, 5, 6, 11 (mất chữ), 12, 13, 14

Chưa có chữ vì nhận thấy ~~đã~~ có nhiều chữ kẻ sao lục in đã đổi hoàn toàn:

ví dụ

369 ~~Yến~~ Thôi oanh → yến oanh

Mười châu → chín châu

Cúc → Trúc (50)

Xông trường 96 → sông tr

vòng này → sau này 206

dòng trong → sông trong 180

Tiền kì → Tiền phi 223

Yến chi → yến oanh 301

đuốc hồng → trướng hồng

Cả tiết (417)

Phong hoa tuyết nguyệt v.v.

430 ~~Thi~~ la → ~~thi~~ ti-la

432 lịu → liễu

473 chưa vững → vô lường

BULAC

fv 9

Tới tri chưa

nghìn vạn đời ... 324

Sai người tới đây
vì đâu ... kẻ : Xênh thanh ... 512

đâu 庄 đây chữ 注 556

BULAC

f°5

Lầm thụ động và ý tưởng thi

[illegible] → [illegible] 36

đông thường ↔ sống thường 180

dây đồng tình ↔ gảy. – 176

có khi ↔ có đêm 181

hây quyền → anh

Sai vì Thuận mày: bị Kiều ám ảnh
(xem 432)

vì dây xuống 461 字

dây ngang 405. vài

BULAC

fo5

Lầm sự động và ý tưởng từ

櫳 → 攏 36

đồng trường ⟷ sóng trường 180

dây đồng tình ⟷ ~~ㅤ~~ gây. – 176

có khi ~~⟷~~ ở đêm 181

hây quyên → anh

Sai vì Thuận mày: bị Kiều tái ảnh (Xem 432)

vì dây xuống 461 [illegible]

dây ngang 405 .. vai

BULAC